



BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT
THÁNG 6 NĂM 2014
VÙNG NAM BỘ



MỤC LỤC

I. Tổng quan diễn biến mực nước	5
I.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp ₃).....	5
I.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃).....	6
I.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp ₁)	7
I.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²).....	8
I.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n ₂ ¹).....	9
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước các tỉnh thành phố.....	11
II.1. Thành phố Hồ Chí Minh.....	11
II.1.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp ₃)	11
II.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃)	13
II.1.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp ₁)	14
II.1.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²).....	16
II.1.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n ₂ ¹)	17
II.2. Tỉnh Bình Dương:.....	18
II.2.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃)	18
II.2.2. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²).....	19
II.3. Tỉnh Bình Phước:	21
II.3.1. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²).....	21
II.4. Tỉnh Tây Ninh:	22
II.4.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp ₃)	22
II.4.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃)	24
II.4.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp ₁)	25
II.4.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²).....	27
II.4.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n ₂ ¹)	28
II.5. Tỉnh Đồng Nai:	29
II.5.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃)	29
II.5.2. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp ₁)	30
II.5.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²).....	32
II.6. Tỉnh Long An:.....	33
II.6.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp ₃)	33
II.6.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃)	34
II.6.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp ₁)	36
II.6.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²).....	37



II.6.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	39
II.7. Tỉnh Đồng Tháp:	41
II.7.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	41
II.7.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	43
II.7.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)	44
II.7.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2).....	45
II.7.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	45
II.8. Tỉnh Bến Tre:.....	47
II.8.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	47
II.8.2. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)	48
II.9. Tỉnh An Giang:	49
II.9.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	49
II.9.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	51
II.9.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2).....	52
II.10. Thành phố Cần Thơ:.....	53
II.10.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	53
II.10.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	54
II.11. Tỉnh Vĩnh Long:	55
II.11.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	55
II.11.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	56
II.11.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)	57
II.11.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2).....	58
II.11.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	59
II.12. Tỉnh Trà Vinh:.....	61
II.12.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	61
II.12.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	62
II.12.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2).....	63
II.12.4. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	65
II.13. Tỉnh Kiên Giang:.....	66
II.13.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	66
II.13.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	67
II.13.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)	69
II.13.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2).....	70
II.14. Tỉnh Hậu Giang:.....	71
II.14.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	71



II.14.2. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2).....	72
II.14.3. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	73
II.15. Tỉnh Sóc Trăng:.....	74
II.15.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	74
II.15.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	75
II.15.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1)	76
II.15.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2).....	77
II.15.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	78
II.16. Tỉnh Bạc Liêu:	79
II.16.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	79
II.16.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	80
II.16.3. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	81
II.17. Tỉnh Cà Mau:.....	82
II.17.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)	82
II.17.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})	83
II.17.3. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)	84



Vùng Nam Bộ có 5 tầng chứa nước chính theo thứ tự từ trẻ đến già gồm: tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3), tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3}), tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp_1), tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2), tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1). Trên cơ sở kết quả quan trắc tài nguyên nước dưới đất năm 2013 và 5 tháng đầu năm 2014, diễn biến tài nguyên nước dưới đất được phân tích, đánh giá để dự báo cho tháng 6 và tháng 7. Kết quả được thể hiện chi tiết như sau:

I. Tổng quan diễn biến mực nước

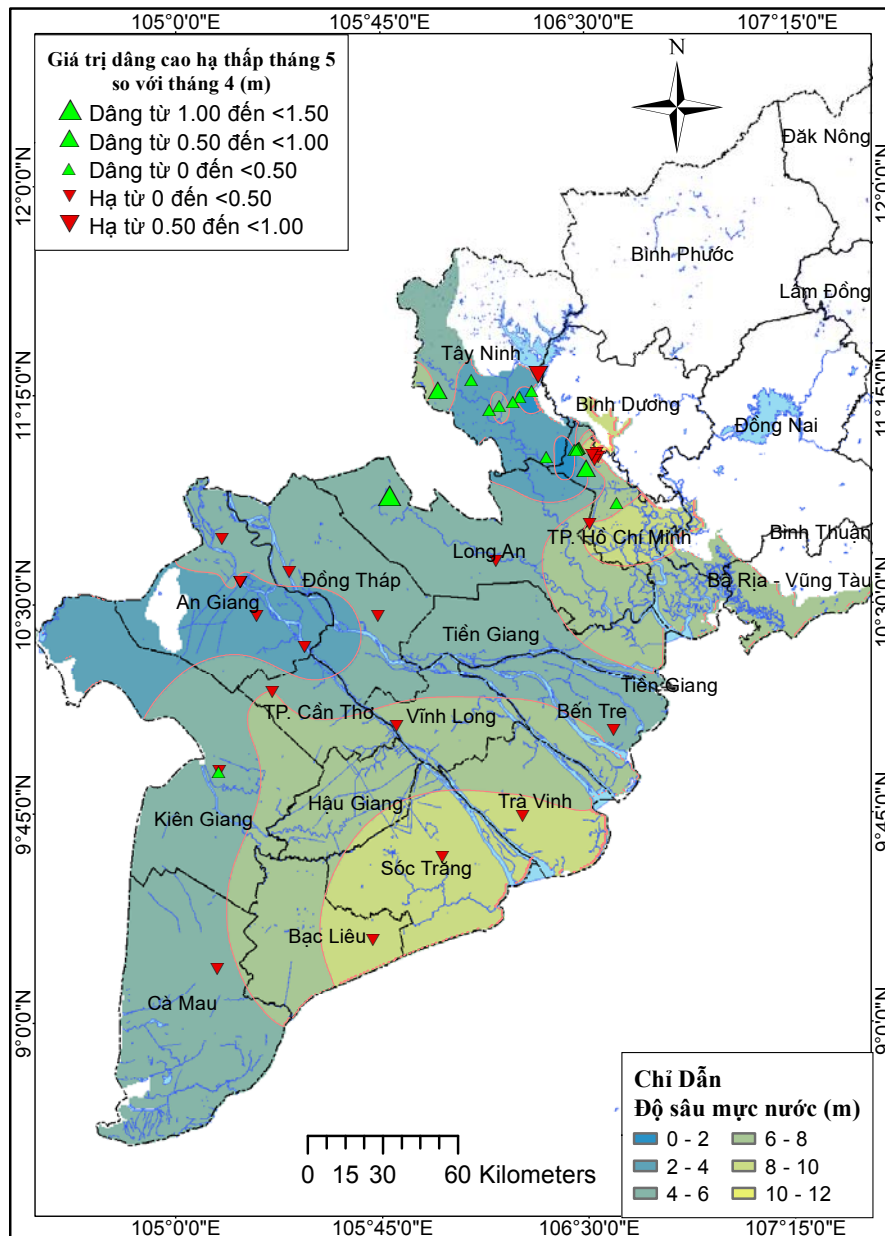
I.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 5: nhìn chung mực nước có hai xu thế dâng cao và hạ thấp so với giá trị trung bình tháng 4, tuy nhiên xu thế hạ thấp chiếm ưu thế trên toàn vùng với giá trị là 0,12m. Giá trị dâng cao nhất là 1,48m tại TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (Q02702T) và hạ thấp nhất là 0,51m tại xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (Q00102AM1).

Mực nước trung bình tháng sâu nhất là 11,28m tại xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh (Q09902A). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,36m tại xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP Hồ Chí Minh (Q01302F).

Các tỉnh có mực nước dâng: Tây Ninh, TP.Hồ Chí Minh, Long An, Kiên Giang.

Các tỉnh có mực nước hạ thấp: Tây Ninh, TP.Hồ Chí Minh, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Bến Tre, Kiên Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng qp₃

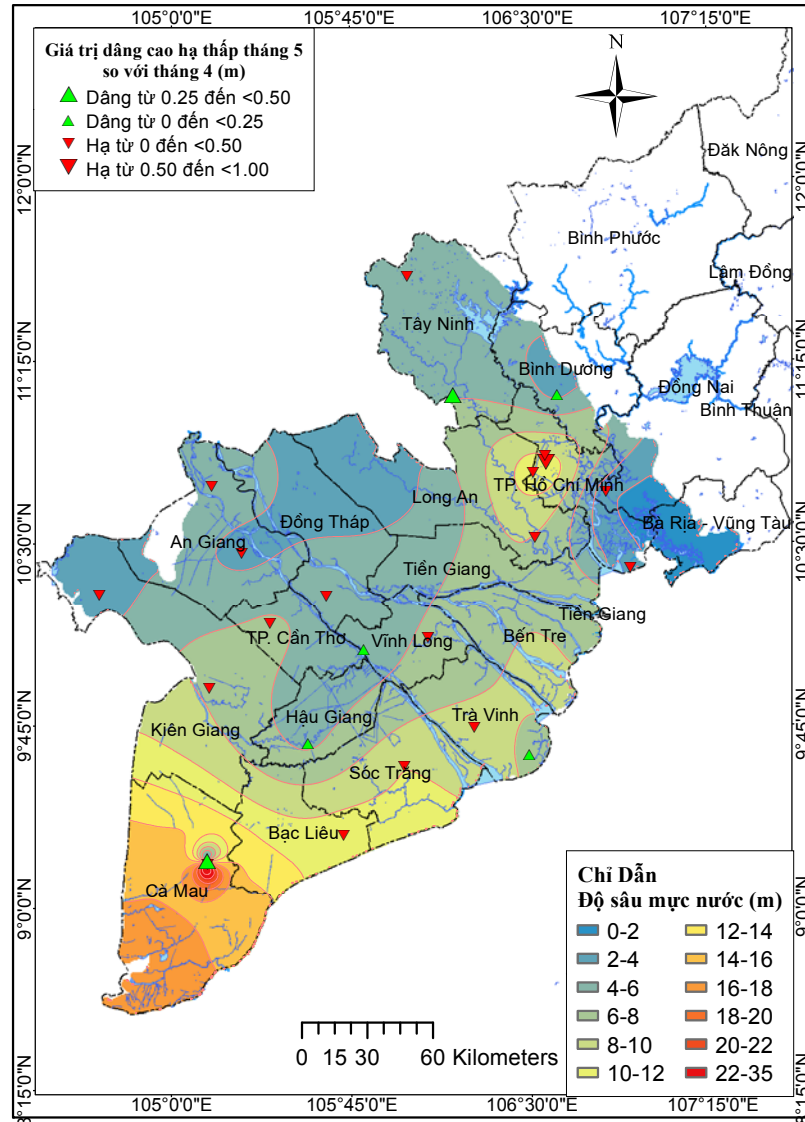
I.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 5: nhìn chung mực nước có hai xu thế dâng cao và hạ thấp so với giá trị trung bình tháng 4, tuy nhiên xu thế hạ thấp chiếm ưu thế trên toàn vùng với giá trị là 0,15m. Giá trị dâng cao nhất là 0,32m tại TT Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (Q634030) và hạ thấp nhất là 0,73m tại xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh (Q007030).

Mực nước trung bình tháng sâu nhất là 22,34m tại phường 5. TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q188020). Mực nước trung bình tháng nông nhất là 2,71m tại xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Q014340).

Các tỉnh có mực nước dâng: Tây Ninh, Bình Dương, Vĩnh Long, Hậu Giang, Trà Vinh, Cà Mau.

Các tỉnh có mực nước hạ thấp: Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.



Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng qp₂₋₃

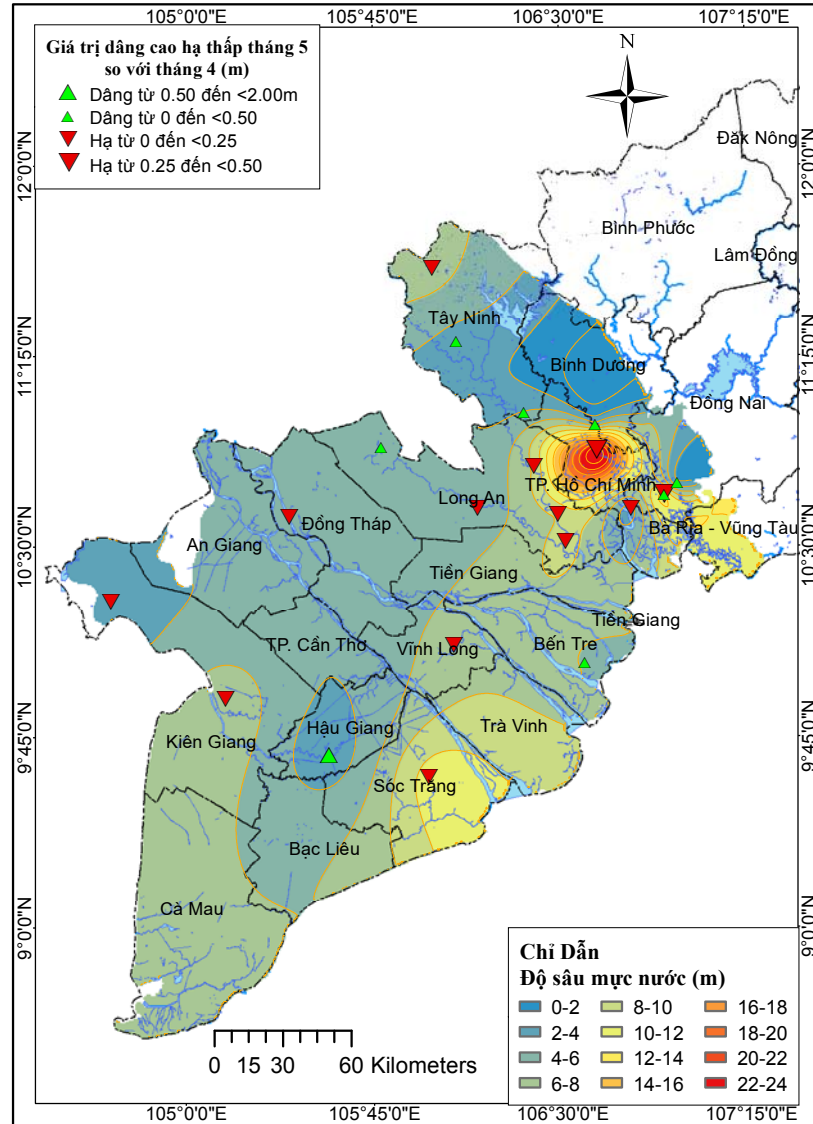
I.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

Diễn biến mực nước dưới đất tháng 5: nhìn chung mực nước có hai xu thế dâng cao và hạ thấp so với giá trị trung bình tháng 4, tuy nhiên xu thế hạ thấp chiếm ưu thế trên toàn vùng với giá trị là 0,14m. Giá trị dâng cao nhất là 1,61m tại TT Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (Q211030) và hạ thấp nhất là 0,39m tại phường Tân Thới Hiệp, quận 12, TP Hồ Chí Minh (Q017030M1).

Mức nước trung bình tháng sâu nhất là 25,52m tại phường Tân Thới Hiệp, quận 12, TP Hồ Chí Minh (Q017030M1). Mức nước trung bình tháng nông nhất là 2,67m tại xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Q040020).

Các tỉnh có mực nước dâng: Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Long An, Bến Tre, Hậu Giang.

Các tỉnh có mực nước hạ thấp: Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Long An, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Kiên Giang, Sóc Trăng.



Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tăng q₁

I.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²)

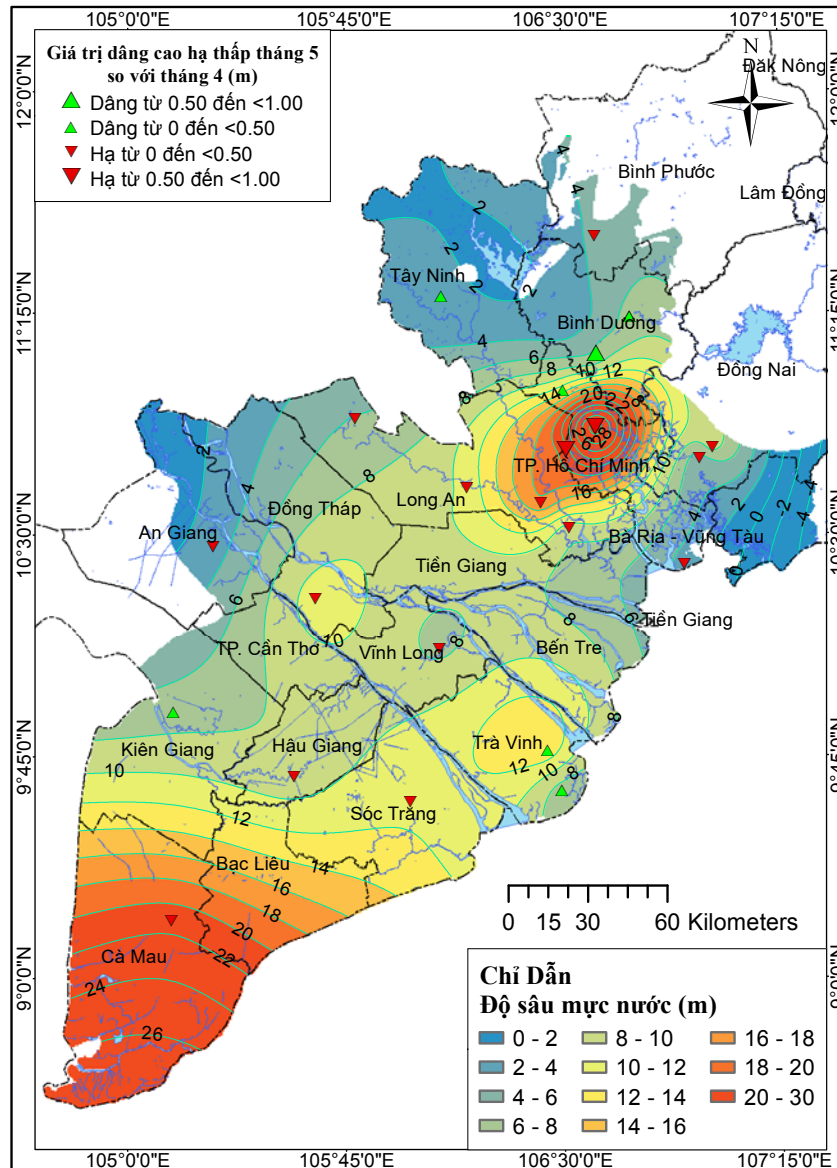
Diễn biến mực nước dưới đất tháng 5: nhìn chung mực nước có hai xu thế dâng cao và hạ thấp so với giá trị trung bình tháng 4, tuy nhiên xu thế hạ thấp chiếm ưu thế trên toàn vùng với giá trị là 0,19m. Giá trị dâng cao nhất là 0,70m tại xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương (Q22404T) và hạ thấp nhất là 0,80m tại xã Lê Minh

Xuân, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh (Q808040).

Mức nước trung bình tháng sâu nhất là 30,72m tại phường Trung Mỹ Tây, quận 12, TP Hồ Chí Minh (Q011040). Mức nước trung bình tháng nông nhất là 2,68m tại phường 1, TX Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (Q22104Z).

Tỉnh có mực nước dâng: Tây Ninh, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Trà Vinh.

Các tỉnh có mực nước hạ thấp: Bình Phước, Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng, Cà Mau.



Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng n_2^2

I.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

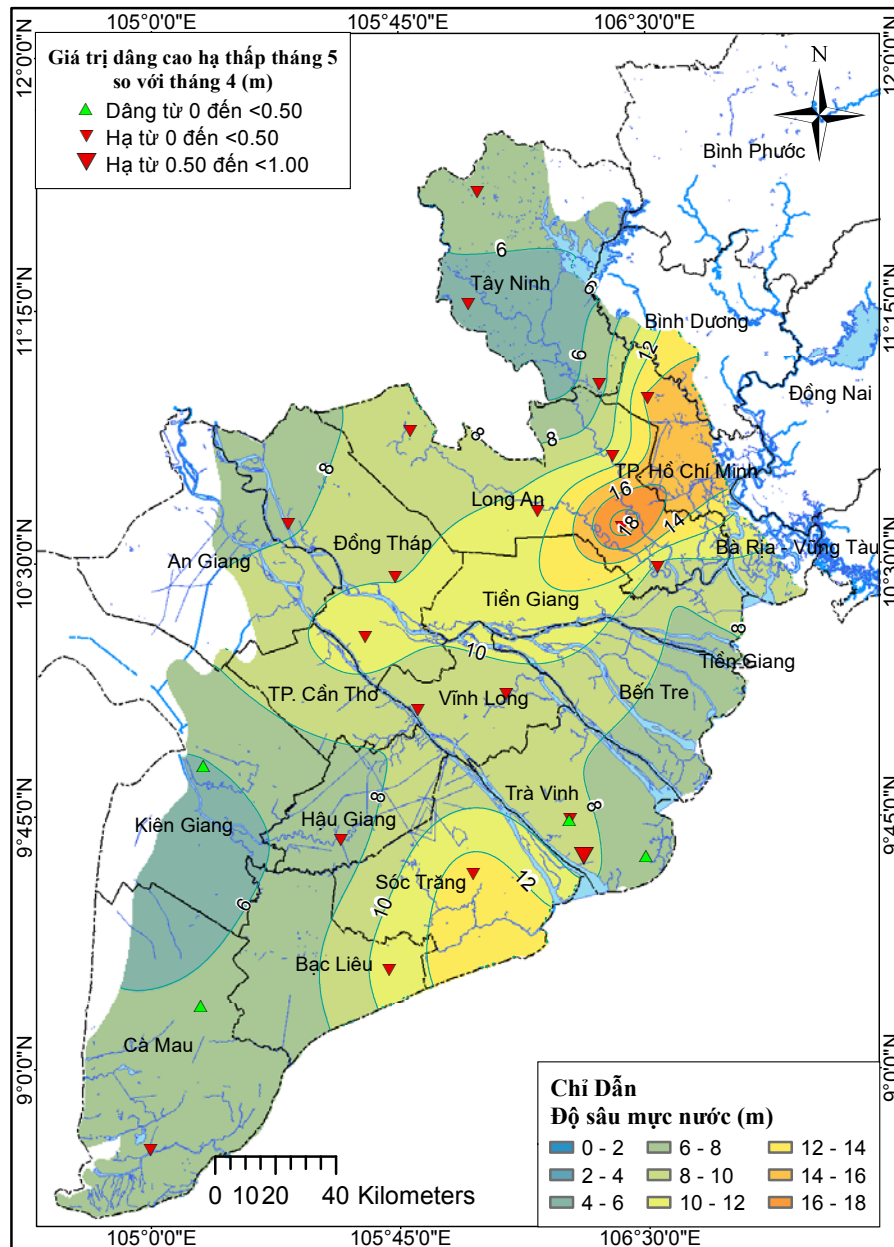
Diễn biến mực nước dưới đất tháng 5: nhìn chung mực nước có hai xu thế dâng cao và hạ thấp so với giá trị trung bình tháng 4, tuy nhiên xu thế hạ thấp chiếm ưu thế

với giá trị là 0,13m. Giá trị dâng cao nhất là 0,32m tại xã Tập Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Q40404Z) và giá trị hạ thấp nhất là 0,52m tại xã Đại Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Q405050M1).

Mức nước trung bình tháng sâu nhất là 18,93m tại xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (Q604060). Mức nước trung bình tháng nông nhất là 5,03m tại xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (Q222040).

Các tỉnh có mực nước dâng: Kiên Giang, Trà Vinh, Cà Mau.

Các tỉnh có mực nước hạ thấp: Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh, Long An, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Hậu Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.



Hình 5. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng n_2^1

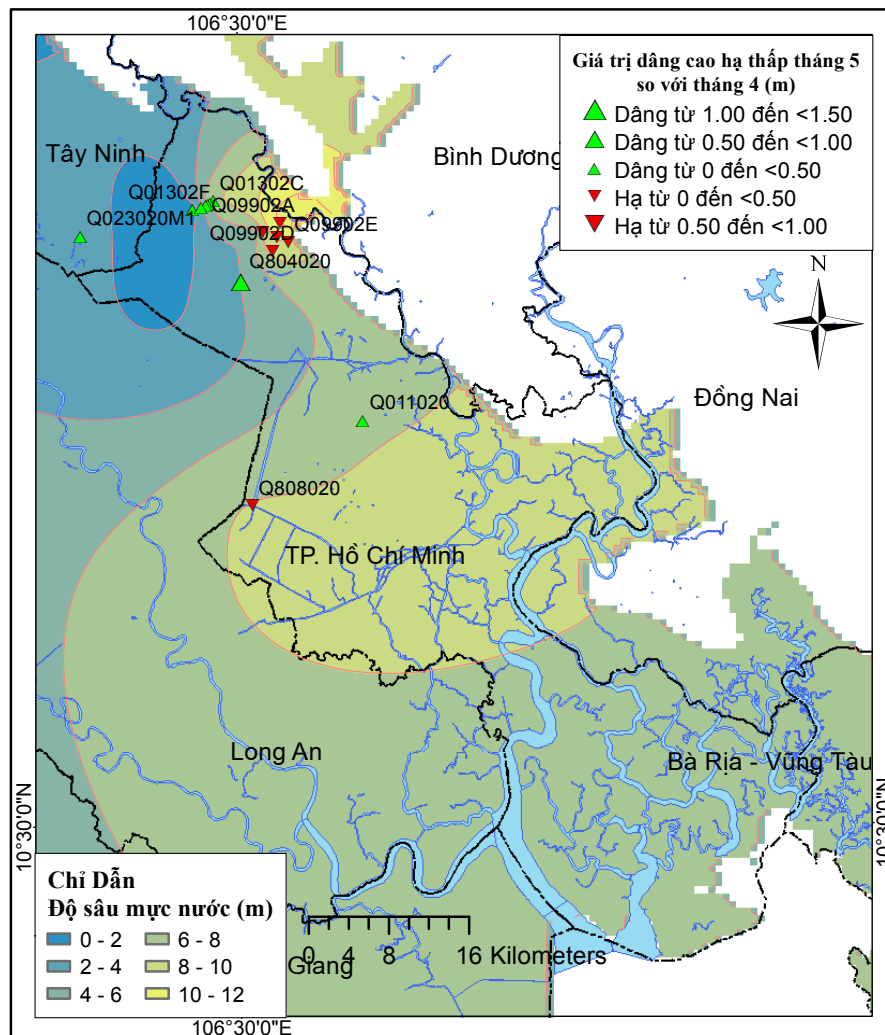
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước các tỉnh thành phố

II.1. Thành phố Hồ Chí Minh

II.1.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

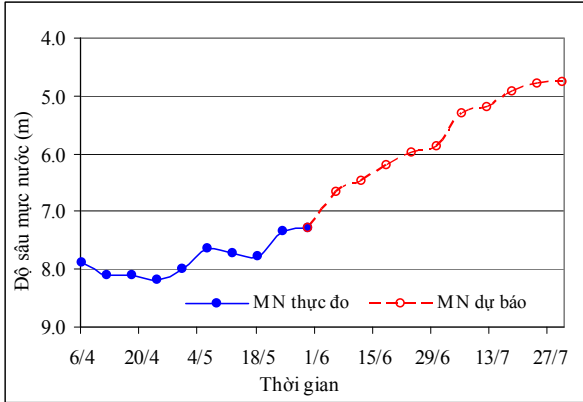
Trong phạm vi thành phố, mực nước trung bình tháng 5 có hai xu thế dâng và hạ so với trung bình tháng 4, tuy nhiên xu thế dâng chiếm ưu thế với giá trị là 0,29m. Giá trị dâng cao nhất là 0,80m tại xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q804020) và hạ thấp nhất là 0,33 tại xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi (Q09902C).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,36m tại xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi (Q01302F), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 11,28m tại xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi (Q09902A).

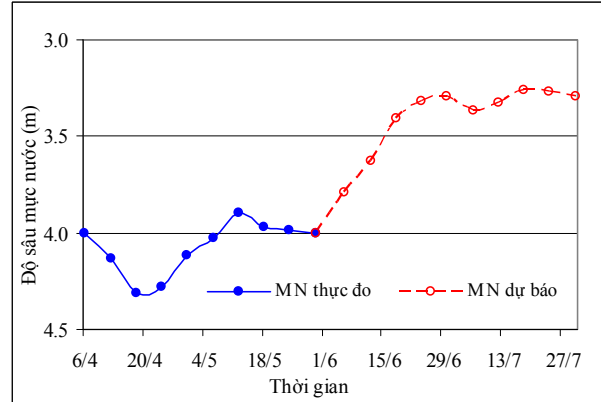


Hình 6. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng qp₃

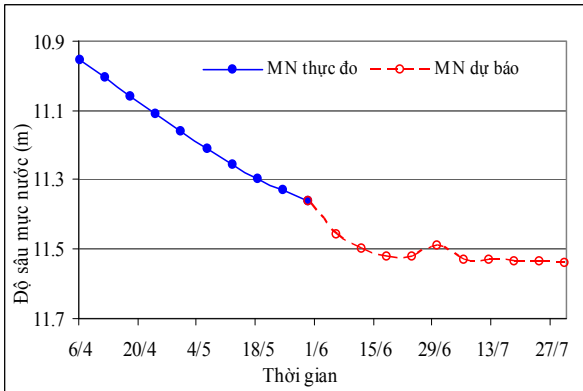
Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có hai xu thế dâng cao và hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 7 và bảng 1).



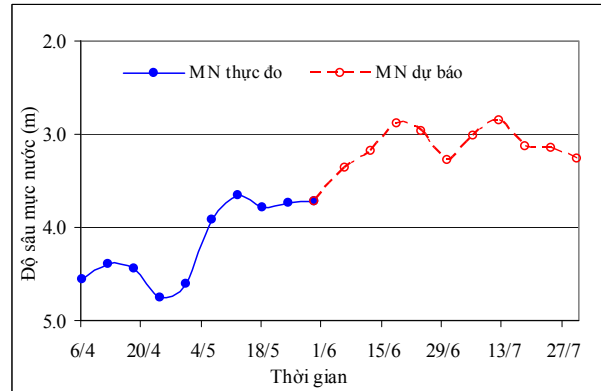
(a) phường Trung Mỹ Tây, quận 12 (Q011020)



(b) xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi (Q01302AM1)



(c) xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi (Q09902A)



(d) xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q804020)

Hình 7. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tăng q_{p3}

Bảng 1. Độ sâu mực nước tăng q_{p3} (m)

Ngày	phường Trung Mỹ Tây, quận 12 (Q011020)			xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi (Q01302AM1)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	7,64	6,65	5,31	4,03	3,79	3,37
12	7,71	6,49	5,21	3,90	3,63	3,33
18	7,78	6,20	4,93	3,97	3,41	3,26
24	7,34	5,98	4,80	3,99	3,32	3,27
30	7,28	5,88	4,75	4,00	3,29	3,29
TB	7,55	6,24	5,00	3,98	3,49	3,30

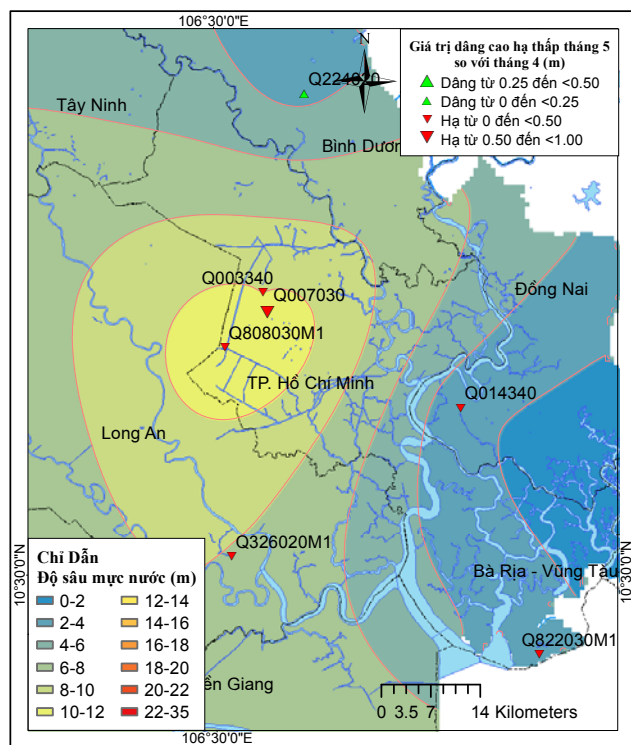
Ngày	xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi (Q09902A)			xã Đông Dù, huyện Củ Chi (Q804020)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	11,21	11,46	11,53	3,91	3,36	3,02
12	11,26	11,50	11,53	3,66	3,18	2,86
18	11,30	11,52	11,53	3,78	2,88	3,13
24	11,33	11,52	11,54	3,74	2,97	3,15
30	11,36	11,49	11,54	3,72	3,28	3,27
TB	11,29	11,50	11,53	3,76	3,13	3,09

Cảnh báo: không có cảnh báo.

II.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp2-3)

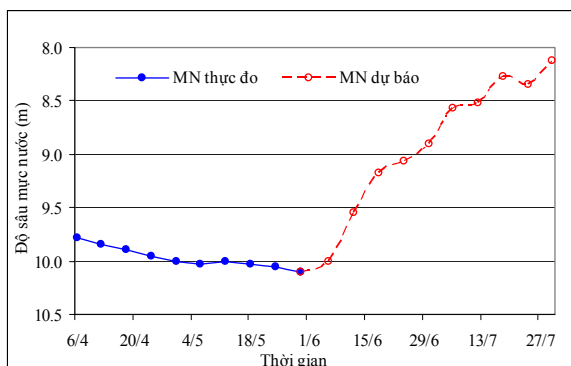
Trong phạm vi thành phố, mức nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,33m. Giá trị hạ thấp nhất với giá trị là 0,73m tại xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh (Q007030).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 3,37m tại xã Long Hòa, huyện Cần Giờ (Q822030M1), mức nước trung bình tháng sâu nhất là 11,31m tại xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh (Q808030M1).

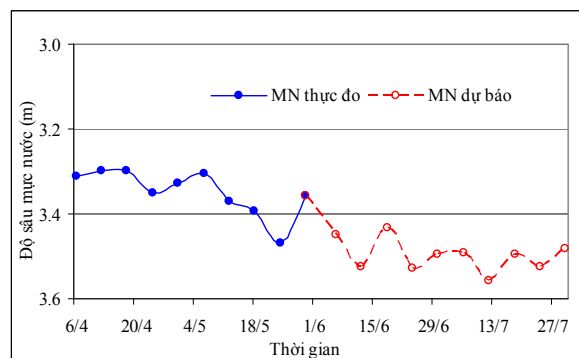


Hình 8. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng qp2-3

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng cao và hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 9 và bảng 2).



(a) xã Xuân Thới, huyện Hóc Môn (Q003340)



(b) xã Long Hòa, huyện Cần Giờ (Q822030M1)

Hình 9. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₂₋₃

Bảng 2. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

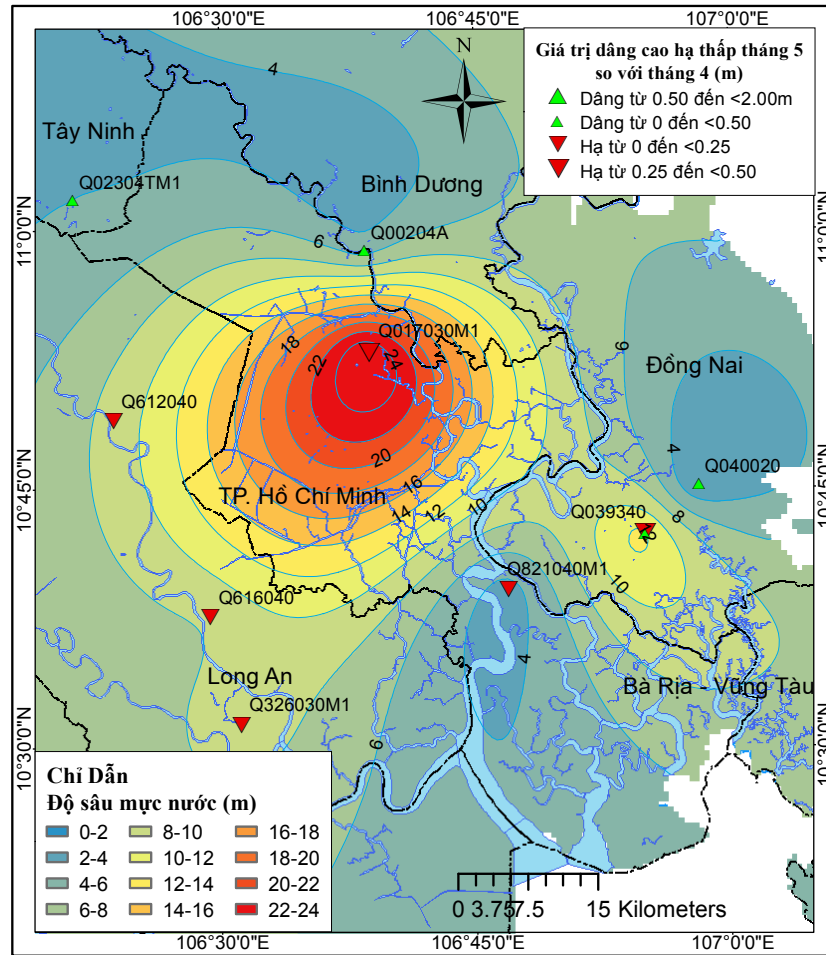
Ngày	xã Xuân Thới, huyện Hóc Môn (Q003340)			xã Long Hòa, huyện Cần Giờ (Q822030M1)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	10,03	10,00	8,57	3,31	3,45	3,49
12	10,00	9,55	8,51	3,37	3,53	3,56
18	10,03	9,17	8,27	3,39	3,43	3,50
24	10,05	9,06	8,35	3,47	3,53	3,53
30	10,10	8,91	8,12	3,36	3,49	3,48
TB	10,04	9,34	8,37	3,38	3,49	3,51

Cảnh báo: không có cảnh báo.

II.1.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

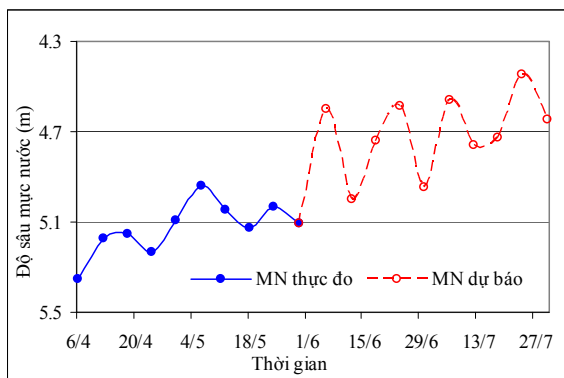
Trong phạm vi thành phố, mực nước trung bình tháng 5 có hai xu thế dâng và hạ so với trung bình tháng 4, tuy nhiên xu thế hạ chiếm ưu thế với giá trị là 0,23m. Chỉ có một công trình có mực nước dâng là 0,18m tại xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi (Q00204A) và giá trị hạ thấp nhất là 0,39m tại phường Tân Thới Hiệp, quận 12 (Q017030M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 3,44m tại xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ (Q821040M1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 25,52m tại phường Tân Thới Hiệp, quận 12 (Q017030M1).

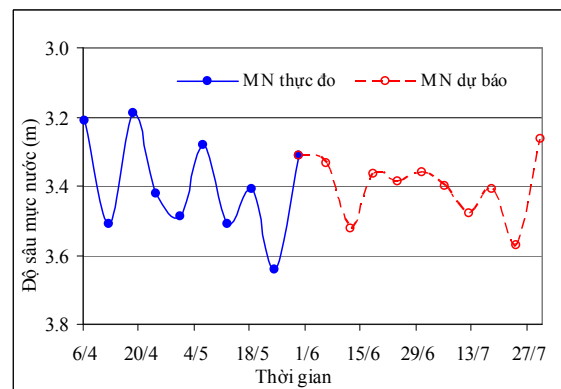


Hình 10. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng q₁

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng hoặc biến động không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 11 và bảng 3).



(a) xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi (Q00204A)



(b) xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ (Q821040M1)

Hình 11. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng q₁

Bảng 3. Độ sâu mực nước tầng q_1 (m)

Ngày	Xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi (Q00204A)			Xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ (Q821040M1)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	4,94	4,60	4,56	3,28	3,34	3,40
12	5,05	5,00	4,76	3,51	3,53	3,48
18	5,13	4,74	4,73	3,41	3,37	3,41
24	5,03	4,59	4,44	3,64	3,39	3,57
30	5,11	4,95	4,65	3,31	3,36	3,27
TB	5,05	4,77	4,63	3,43	3,39	3,43

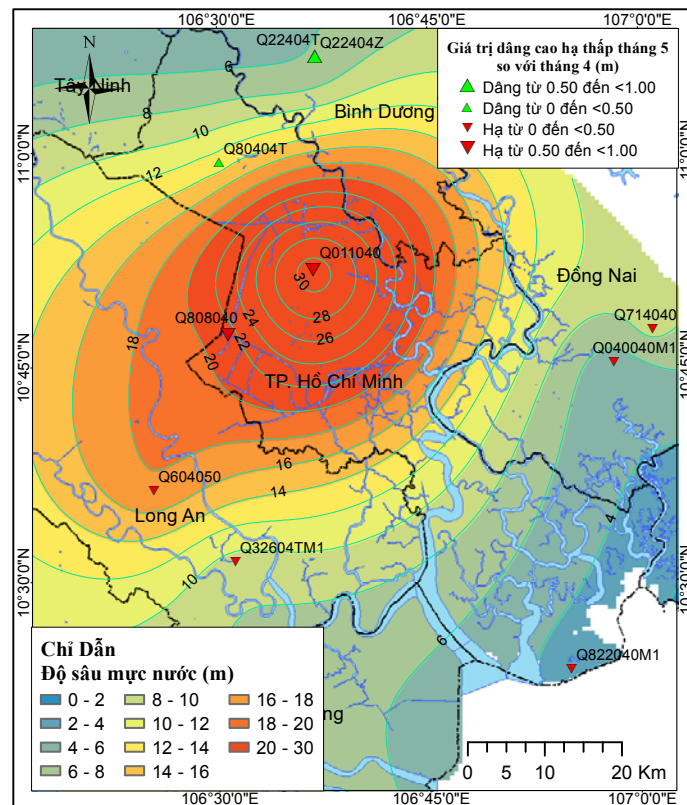
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.1.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

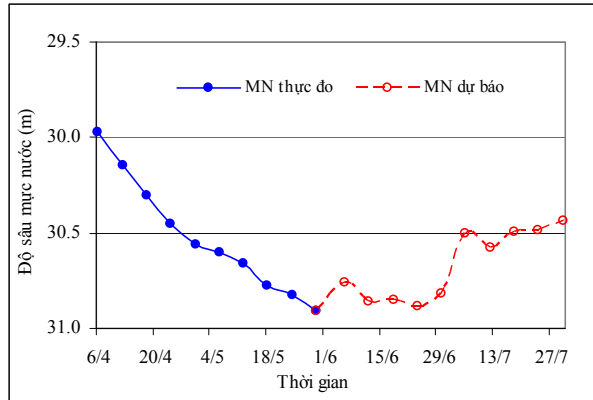
Trong phạm vi thành phố, mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,34m. Giá trị hạ thấp nhất là 0,80m tại xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh (Q808040).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 3,28m tại xã Long Hòa, huyện Cần Giờ (Q822040M1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 30,72m tại phường Trung Mỹ Tây, quận 12 (Q011040).

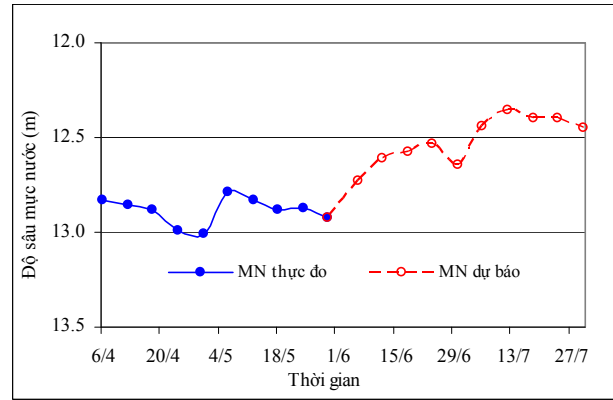
Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 13 và bảng 4).



Hình 12. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng n_2^2



(a) phường Trung Mỹ Tây, quận 12 (Q011040)



(b) xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q80404T)

Hình 13. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^2

Bảng 4. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

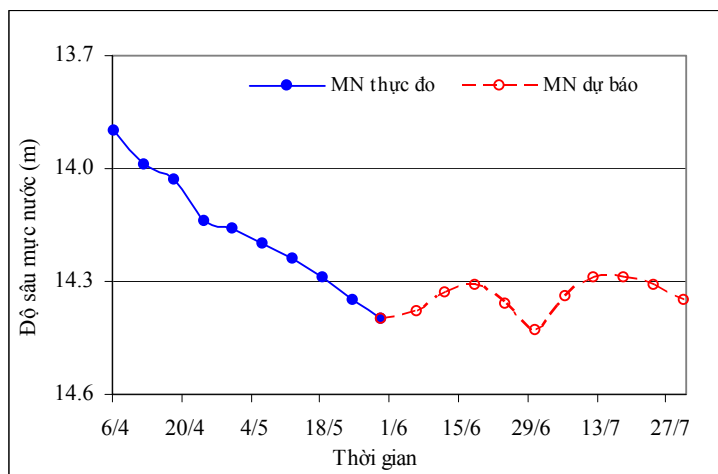
Ngày	phường Trung Mỹ Tây, quận 12 (Q011040)		xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q80404T)			
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	30,60	30,76	30,50	12,79	12,73	12,44
12	30,66	30,85	30,58	12,83	12,61	12,36
18	30,78	30,85	30,50	12,88	12,58	12,40
24	30,83	30,88	30,48	12,87	12,53	12,40
30	30,91	30,82	30,44	12,92	12,64	12,45
TB	30,76	30,83	30,50	12,86	12,62	12,41

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.1.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q80404ZM1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,24m. Mực nước nông nhất là 14,17m, mực nước sâu nhất là 14,40m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước không có biến động. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình QQ80404ZM1 như sau (xem hình 14 và bảng 5).



Hình 14. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^1

Bảng 5. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q80404ZM1)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	14,20	14,38	14,34
12	14,24	14,33	14,29
18	14,29	14,31	14,29
24	14,35	14,36	14,31
30	14,40	14,43	14,35
TB	14,30	14,36	14,32

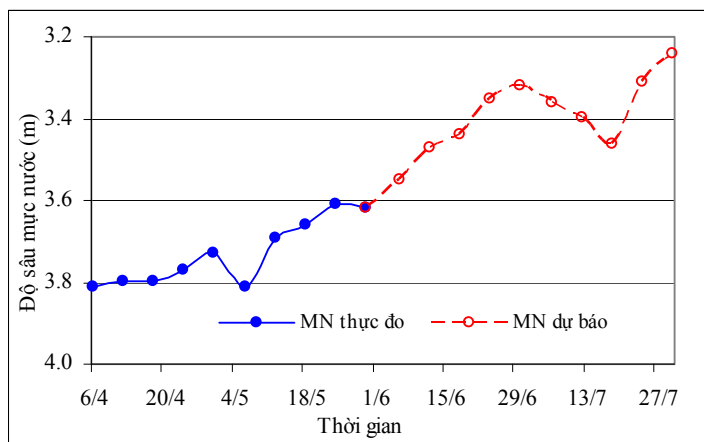
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.2. Tỉnh Bình Dương:

II.2.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp_{2-3})

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q224020) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế dâng so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,11m. Mực nước nông nhất là 3,60m và mực nước sâu nhất là 3,81m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q224020 như sau (xem hình 15 và bảng 6).



Hình 15. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₂₋₃

Bảng 6. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q224020)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	3,81	3,55	3,36
12	3,69	3,47	3,40
18	3,66	3,44	3,46
24	3,61	3,35	3,31
30	3,62	3,32	3,24
TB	3,68	3,43	3,35

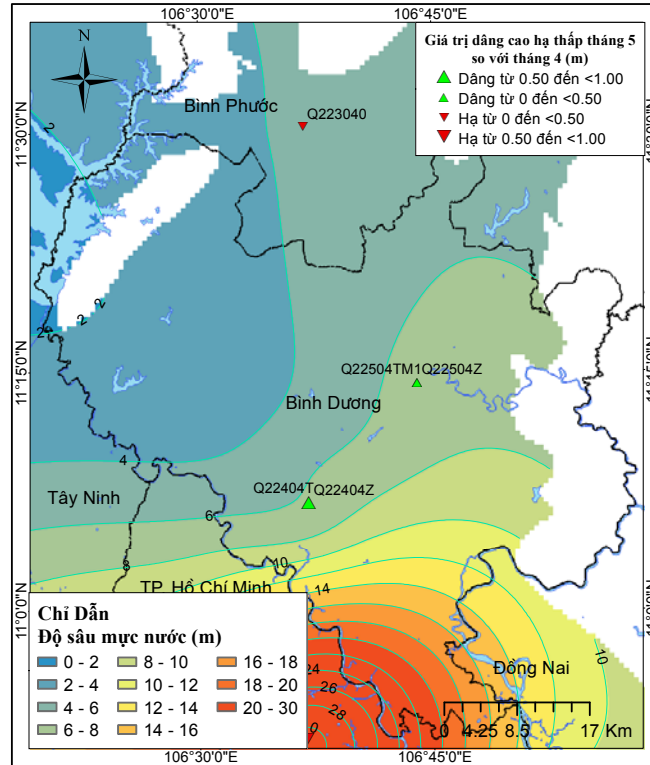
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.2.2. Tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²)

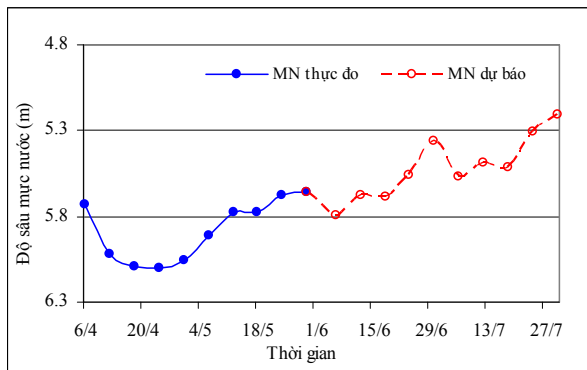
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu thế dâng so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,14m. Giá trị dâng cao nhất là 0,22m tại xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q22404Z).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 5,78m tại xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q22404Z), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,22m tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo (Q22504Z).

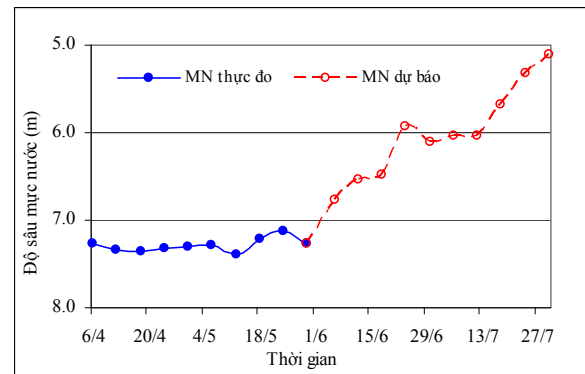
Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 17 và bảng 7).



Hình 16. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng n_2^2



(a) xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q22404Z)



(b) xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo (Q22504Z)

Hình 17. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^2

Bảng 7. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q22404Z)			xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo (Q22504Z)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	5,91	5,79	5,57	7,28	6,77	6,03
12	5,78	5,68	5,49	7,39	6,53	6,04
18	5,78	5,69	5,51	7,22	6,48	5,67



24	5,68	5,56	5,31	7,12	5,93	5,32
30	5,66	5,36	5,21	7,27	6,10	5,11
TB	5,76	5,62	5,42	7,26	6,36	5,63

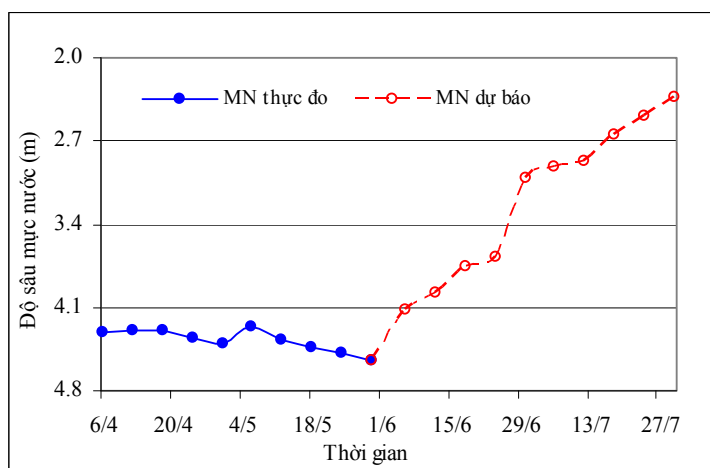
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.3. Tỉnh Bình Phước:

II.3.1. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành (Q223040) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,06m. Mực nước nông nhất là 4,25m và mực nước sâu nhất là 4,54m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q223040 như sau (xem hình 18 và bảng 8).



Hình 18. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^2

Bảng 8. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành (Q223040)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	4,26	4,13	2,91
12	4,37	3,98	2,86
18	4,44	3,76	2,65
24	4,48	3,68	2,49
30	4,54	3,02	2,33
TB	4,42	3,71	2,65

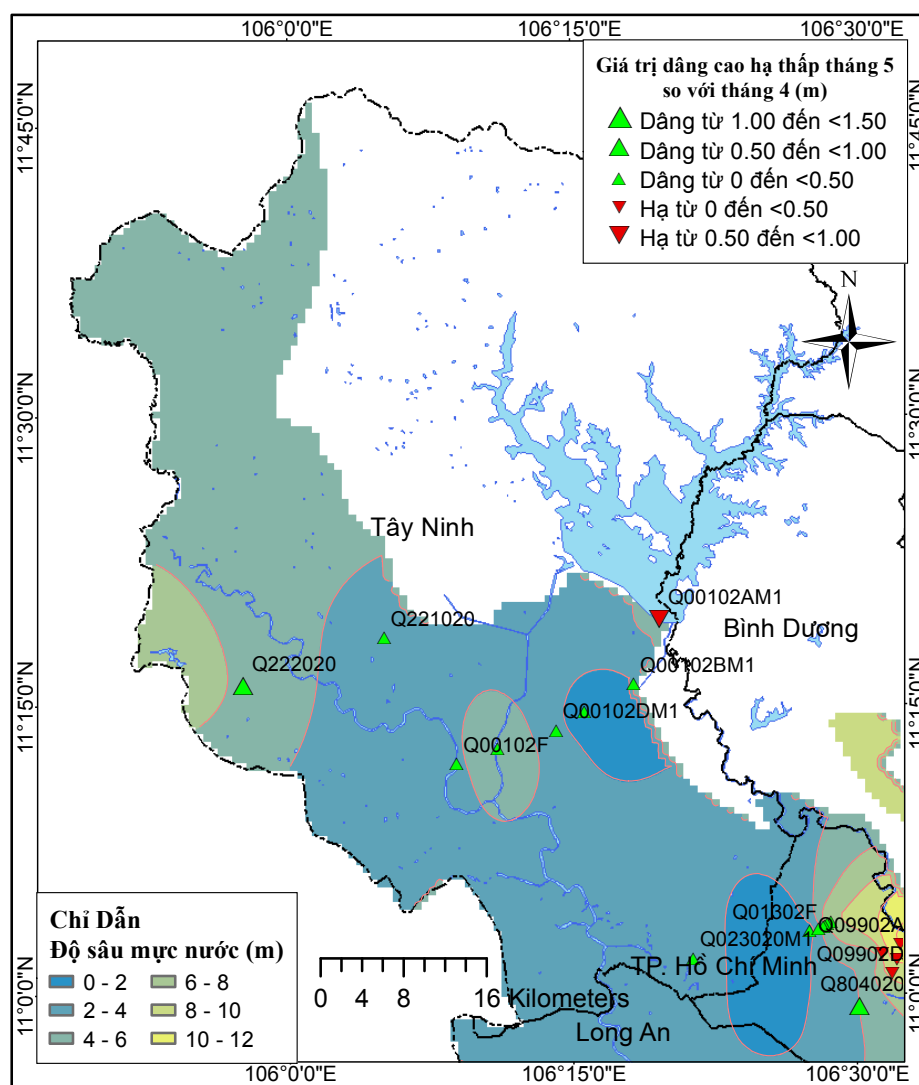
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.4. Tỉnh Tây Ninh:

II.4.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

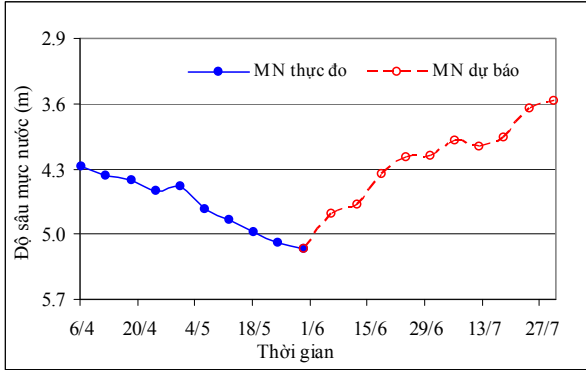
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có hai xu thế dâng và hạ so với trung bình tháng 4, tuy nhiên xu thế dâng chiếm ưu thế với giá trị là 0,25m. Giá trị dâng cao nhất là 0,55m tại xã Thành Long, huyện Châu Thành (Q222020) và chỉ có một công trình có giá trị hạ thấp là 0,51m tại xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu (Q00102AM1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 1,38m tại xã Truong Mít, huyện Gò Dầu (Q00102CM1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 5,89m tại xã Thành Long, huyện Châu Thành (Q222020).

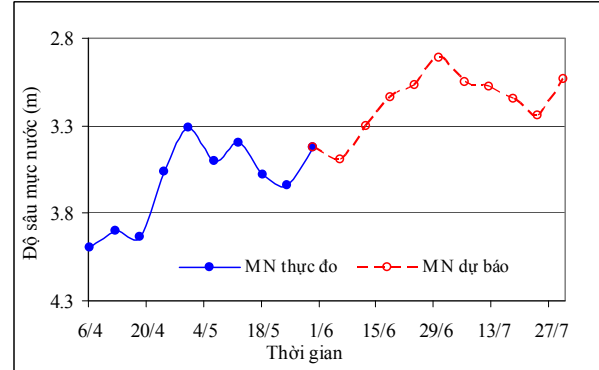


Hình 19. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng qp₃

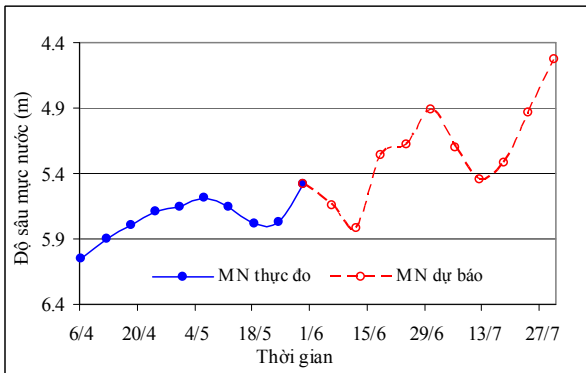
Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 20 và bảng 9).



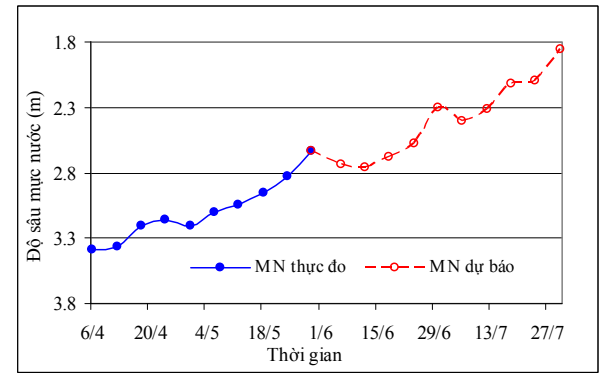
(a) xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu (Q00102AM1)



(b) TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q023020M1)



(c) xã Thành Đức, huyện Gò Dầu (Q00102E)



(d) Phường 1, TX. Tây Ninh (Q221020)

Hình 20. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp3

Bảng 9. Độ sâu mực nước tầng qp3 (m)

Ngày	xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu (Q00102AM1)			TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q023020M1)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	4,74	4,78	4,00	3,50	3,49	3,05
12	4,85	4,69	4,06	3,40	3,30	3,08
18	4,98	4,36	3,96	3,58	3,14	3,15
24	5,09	4,18	3,65	3,64	3,07	3,24
30	5,16	4,16	3,58	3,42	2,91	3,03
TB	4,96	4,43	3,85	3,51	3,18	3,11
Ngày	xã Thành Đức, huyện Gò Dầu (Q00102E)			Phường 1, TX Tây Ninh (Q221020)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	5,59	5,65	5,20	3,10	2,74	2,41

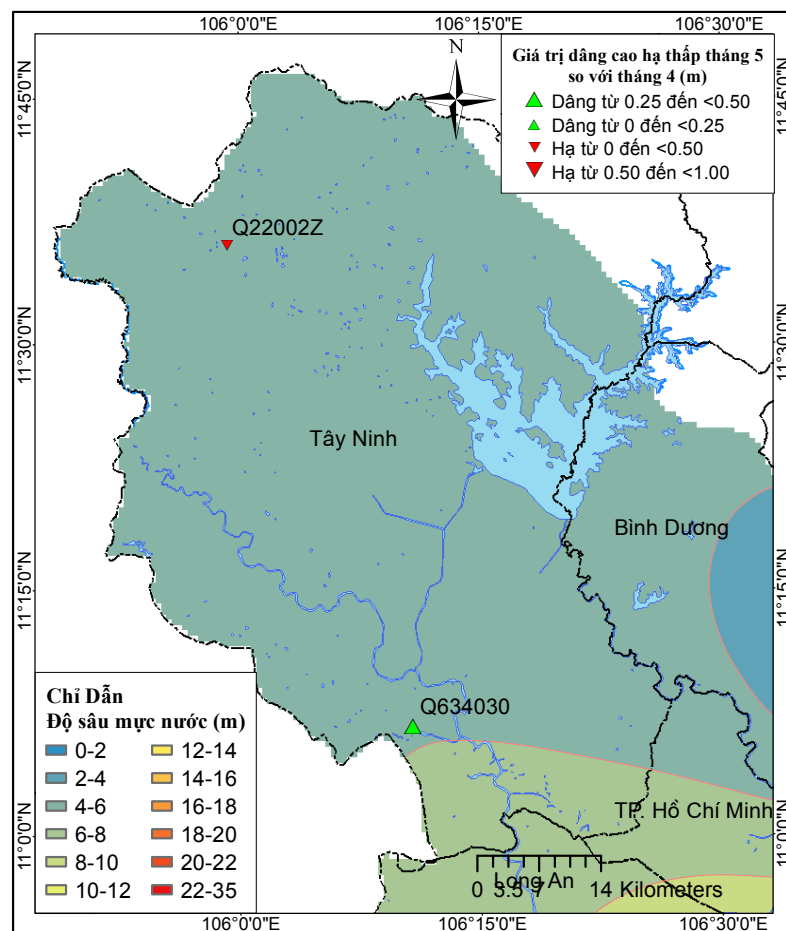
12	5,65	5,82	5,45	3,04	2,76	2,31
18	5,78	5,26	5,32	2,95	2,68	2,12
24	5,77	5,18	4,94	2,83	2,58	2,10
30	5,48	4,91	4,53	2,63	2,30	1,86
TB	5,65	5,36	5,09	2,91	2,61	2,16

Cảnh báo: Không có cảnh báo

II.4.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

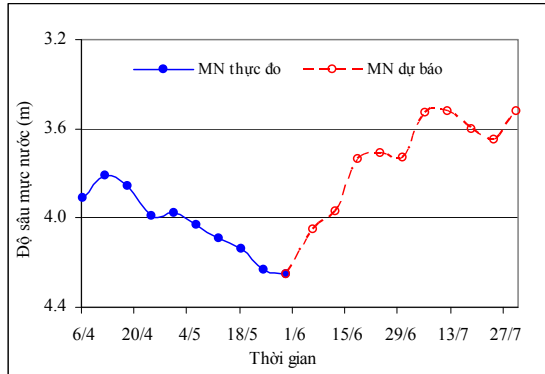
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có hai xu thế dâng và hạ so với trung bình tháng 4. Giá trị dâng là 0,32m tại TT Bến Cầu, huyện Bến Cầu (Q634040) và giá trị hạ thấp là 0,23m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q22002Z).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 4,14m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q22002Z), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 5,90m tại TT Bến Cầu, huyện Bến Cầu (Q634040).

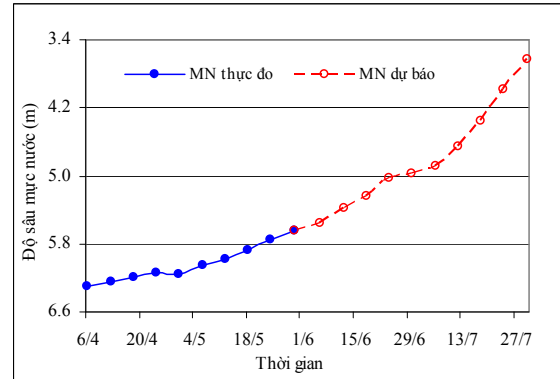


Hình 21. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng qp₂₋₃

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 22 và bảng 10).



(a) xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q22002Z)



(b) TT Bến Cầu, huyện Bến Cầu (Q634030)

Hình 22. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₂₋₃

Bảng 10. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

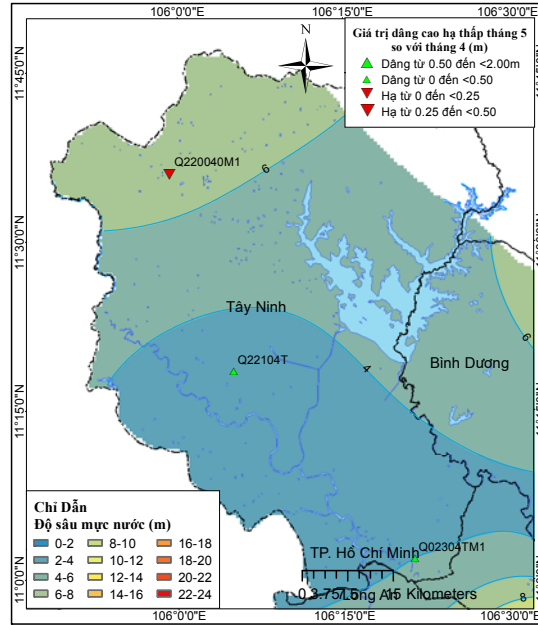
Ngày	xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q22002Z)			TT Bến Cầu, huyện Bến Cầu (Q634030)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	4,03	4,05	3,53	6,06	5,55	4,89
12	4,09	3,97	3,52	5,98	5,38	4,65
18	4,14	3,74	3,60	5,87	5,24	4,35
24	4,23	3,71	3,65	5,76	5,02	3,98
30	4,25	3,73	3,52	5,65	4,97	3,63
TB	4,15	3,84	3,56	5,86	5,23	4,30

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.4.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

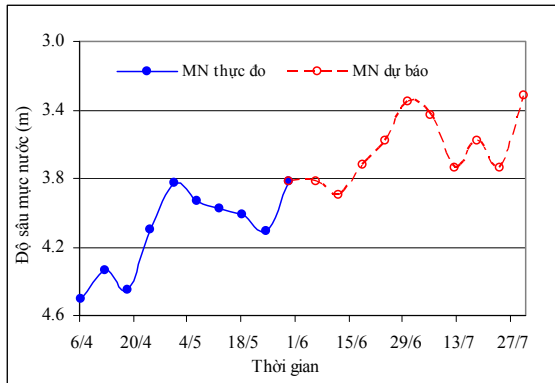
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có hai xu thế dâng và hạ so với trung bình tháng 4, tuy nhiên xu thế dâng chiếm ưu thế với giá trị là 0,18m. Giá trị dâng cao nhất là 0,26m tại TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q02304TM1) và chỉ có một công trình có mực nước hạ là 0,13m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220040M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 3,09m tại phường 1, TX Tây Ninh (Q22104T), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 6,71m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220040M1).

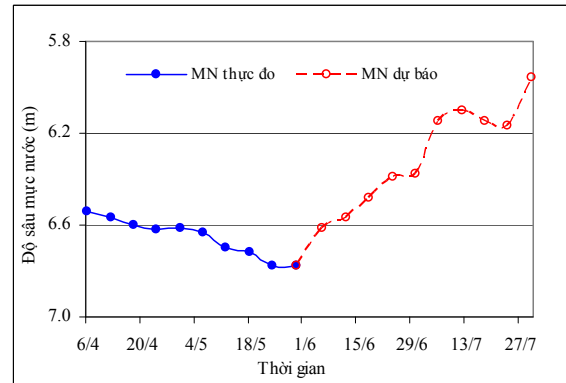


Hình 23. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng q₁

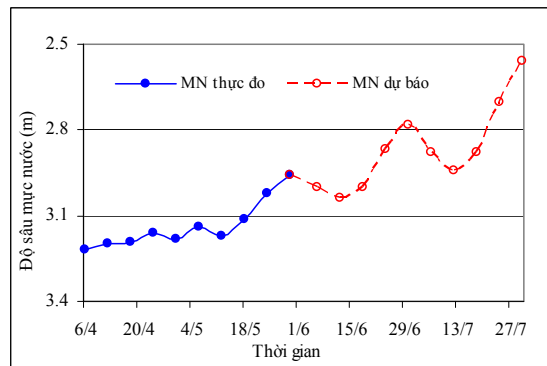
Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 24 và bảng 11).



(a) TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q02304TM1)



(b) xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220040M1)



(c) Phường 1, TX Tây Ninh (Q22104T)

Hình 24. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng q₁

Bảng 11. Độ sâu mực nước tầng q_1 (m)

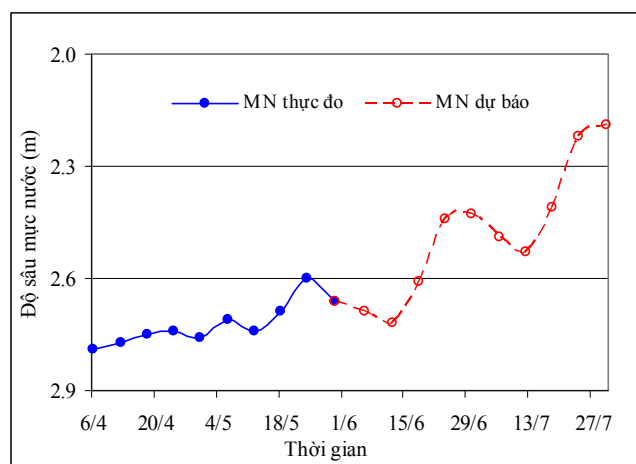
Ngày	TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q02304TM1)			xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220040M1)			Phường 1, TX Tây Ninh (Q22104T)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	3,93	3,82	3,43	6,63	6,61	6,15	3,14	3,00	2,88
12	3,98	3,90	3,74	6,70	6,57	6,10	3,17	3,04	2,94
18	4,01	3,72	3,58	6,72	6,48	6,15	3,11	3,00	2,88
24	4,11	3,58	3,74	6,78	6,39	6,17	3,02	2,87	2,70
30	3,82	3,35	3,32	6,78	6,38	5,96	2,96	2,78	2,56
TB	3,97	3,67	3,56	6,72	6,49	6,11	3,08	2,94	2,79

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.4.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại phường 1, thị xã Tây Ninh (Q22104Z) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế dâng không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,09m. Mực nước nông nhất là 2,58m và mực nước sâu nhất là 2,74m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q22104Z như sau (xem hình 25 và bảng 12).



Hình 25. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^2

Bảng 12. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	Phường 1, Thị xã Tây Ninh (Q22104Z)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	2,71	2,69	2,49

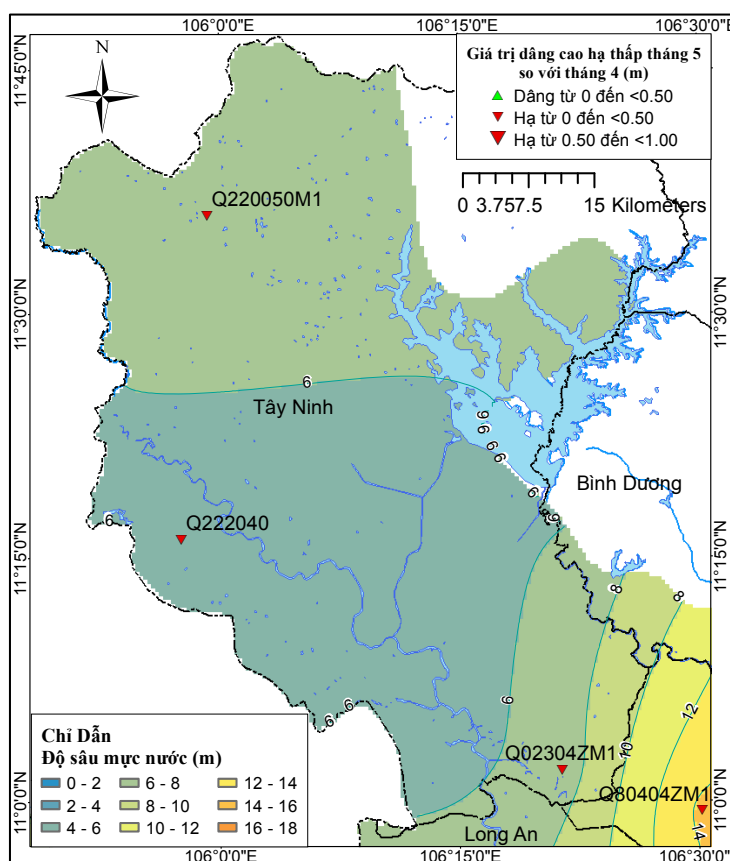
12	2,74	2,72	2,53
18	2,69	2,61	2,41
24	2,60	2,44	2,22
30	2,66	2,43	2,19
TB	2,68	2,58	2,37

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.4.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

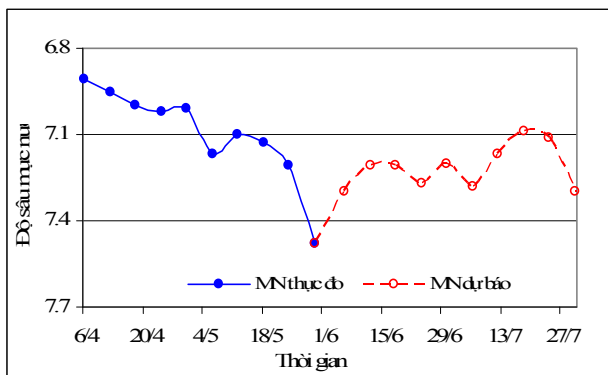
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,17m. Giá trị hạ thấp nhất là 0,19m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220050M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 5,03m tại xã Thành Long, huyện Châu Thành (Q222040), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,31m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220050M1).

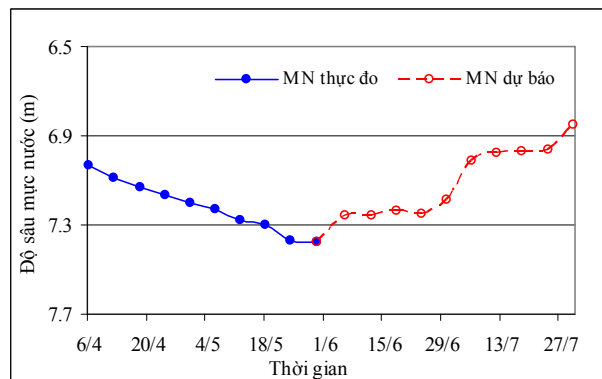


Hình 26. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng n_2^1

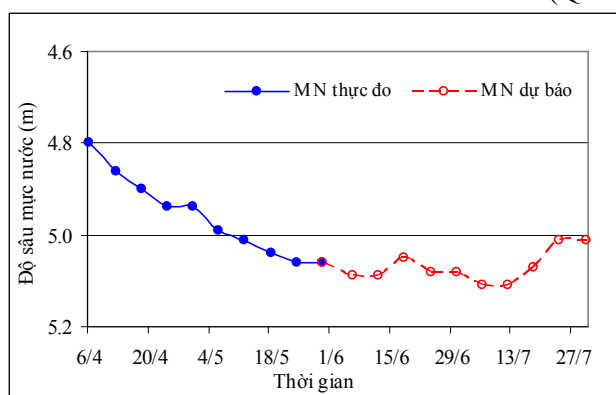
Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 27 và bảng 13).



(a) TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q02304ZM1)



(b) xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220050M1)



(c) xã Thành Long, huyện Châu Thành (Q222040)

Hình 27. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^1

Bảng 13. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q02304ZM1)			xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220050M1)			xã Thành Long, huyện Châu Thành (Q222040)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	7,04	7,17	7,15	7,23	7,26	7,01	4,99	5,09	5,11
12	7,10	7,21	7,17	7,28	7,26	6,98	5,01	5,09	5,11
18	7,13	7,21	7,09	7,30	7,24	6,97	5,04	5,05	5,07
24	7,21	7,27	7,11	7,37	7,25	6,96	5,06	5,08	5,01
30	7,48	7,20	7,30	7,38	7,19	6,85	5,06	5,08	5,01
TB	7,19	7,21	7,16	7,31	7,24	6,95	5,03	5,08	5,06

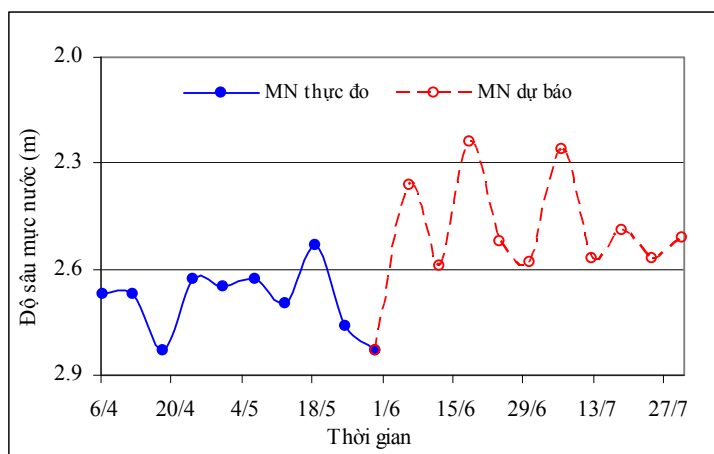
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.5. Tỉnh Đồng Nai:

II.5.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp2-3)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch (Q014340) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế dâng không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,02m. Mực nước nông nhất là 2,53m và mực nước sâu nhất là 2,83m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng song không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q014340 như sau (xem hình 28 và bảng 14).



Hình 28. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₂₋₃

Bảng 14. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

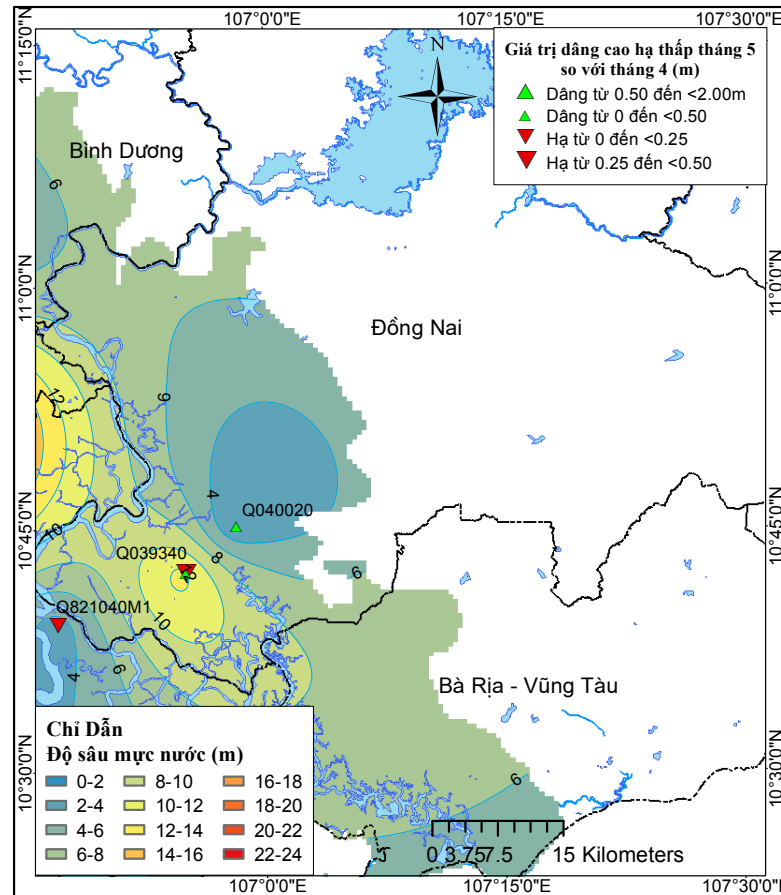
Ngày	xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch (Q014340)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	2,63	2,36	2,26
12	2,70	2,59	2,57
18	2,53	2,24	2,49
24	2,76	2,52	2,57
30	2,83	2,78	2,55
TB	2,69	2,46	2,48

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.5.2. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

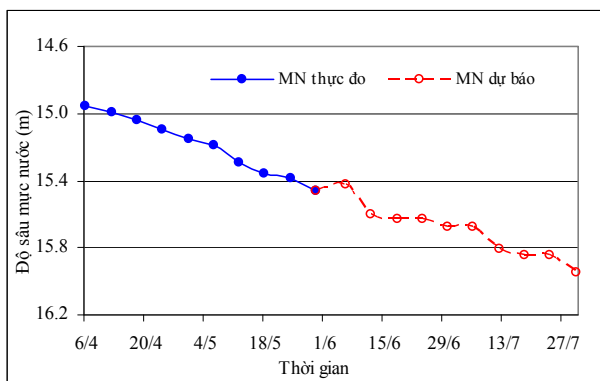
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có hai xu thế hạ và dâng so với trung bình tháng 4, tuy nhiên xu thế dâng chiếm ưu thế với giá trị là 0,10m. Giá trị dâng cao nhất là 0,14m tại xã Long An, huyện Long Thành (Q040020) và chỉ có một công trình có mực nước hạ với giá trị là 0,27m tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch (Q039030).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 2,67m tại xã Long An, huyện Long Thành (Q040020), mức nước trung bình tháng sâu nhất là 15,32m tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch (Q039340).

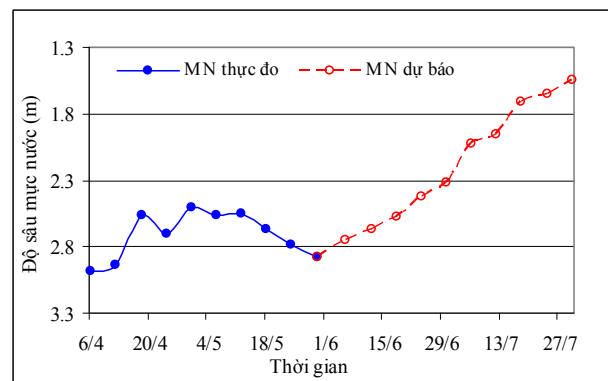


Hình 29. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng q₁

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế hạ và dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 30 và bảng 15).



(a) xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch (Q039340)



(b) xã Long An, huyện Long Thành (Q040020)

Hình 30. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng q₁

Bảng 15. Độ sâu mực nước tầng q_1 (m)

Ngày	xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch (Q039340)			xã Long An, huyện Long Thành (Q040020)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	15,19	15,42	15,68	2,56	2,75	2,02
12	15,29	15,60	15,81	2,55	2,67	1,95
18	15,36	15,63	15,84	2,67	2,58	1,71
24	15,39	15,63	15,84	2,79	2,42	1,65
30	15,46	15,68	15,95	2,88	2,32	1,55
TB	15,34	15,59	15,82	2,69	2,55	1,77

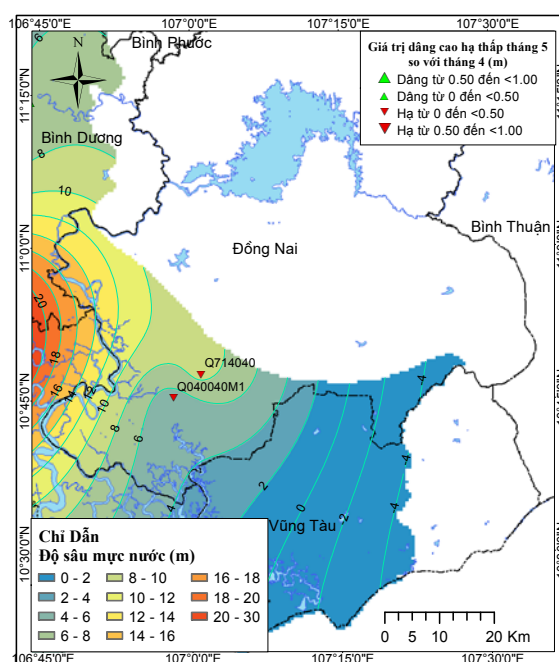
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.5.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

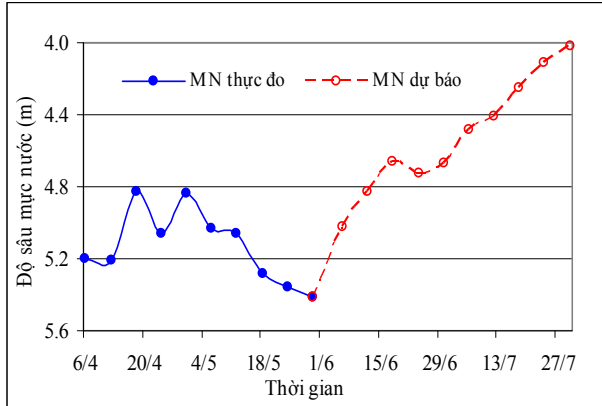
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ so với trung bình tháng 4, với giá trị là 0,11m. Giá trị hạ thấp là 0,14m tại xã Long An, huyện Long Thành (Q040040M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 5,17m tại xã Long An, huyện Long Thành (Q040040M1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 8,50m tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành (Q714040).

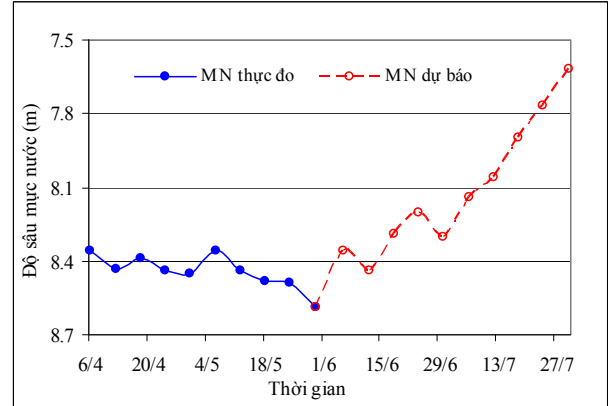
Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 32 và bảng 16).



Hình 31. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng n_2^2



(a) xã Long An, huyện Long Thành (Q040040M1)



(b) xã Bình Sơn, huyện Long Thành (Q714040)

Hình 32. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^2

Bảng 16. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	xã Long An, huyện Long Thành (Q040040M1)		xã Bình Sơn, huyện Long Thành (Q714040)			
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	5,03	5,02	4,48	8,36	8,36	8,14
12	5,06	4,83	4,41	8,44	8,44	8,06
18	5,28	4,66	4,25	8,48	8,29	7,90
24	5,36	4,73	4,11	8,49	8,20	7,77
30	5,41	4,67	4,02	8,59	8,30	7,62
TB	5,23	4,78	4,25	8,47	8,32	7,90

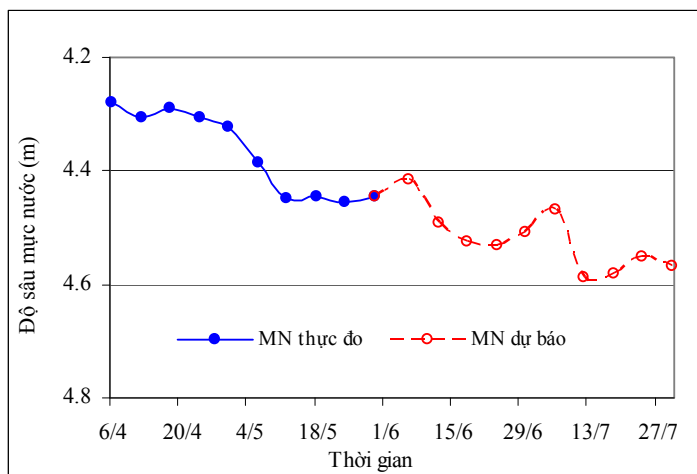
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.6. Tỉnh Long An:

II.6.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại TT Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa (Q02202T) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,13m. Mực nước nông nhất là 4,59m và mực nước sâu nhất là 4,67m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế hạ, song không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q02202T như sau (xem hình 33 và bảng 17).



Hình 33. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₃

Bảng 17. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

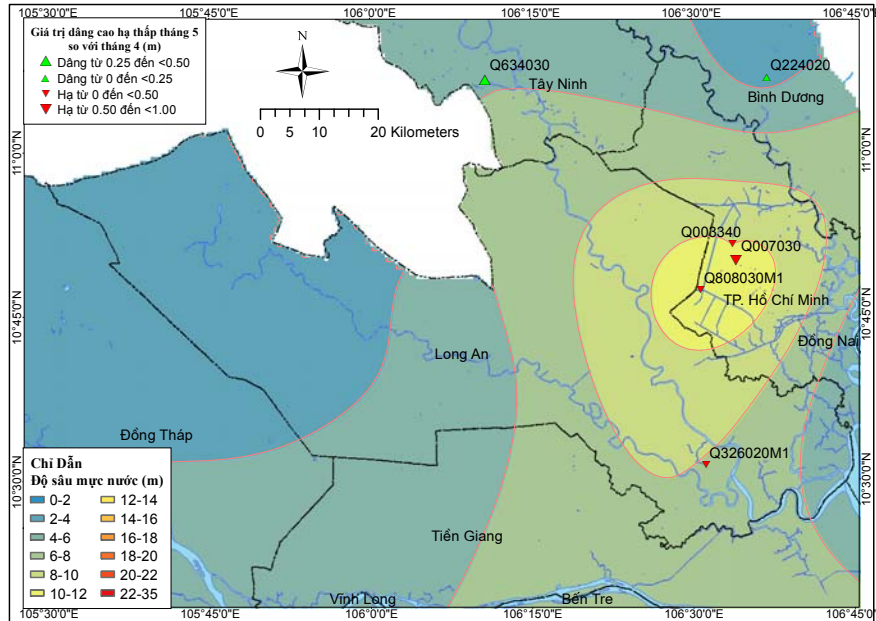
Ngày	TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q02202T)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	4,39	4,41	4,47
12	4,45	4,49	4,59
18	4,45	4,52	4,58
24	4,46	4,53	4,55
30	4,45	4,51	4,57
TB	4,44	4,49	4,55

Cảnh báo: không có cảnh báo

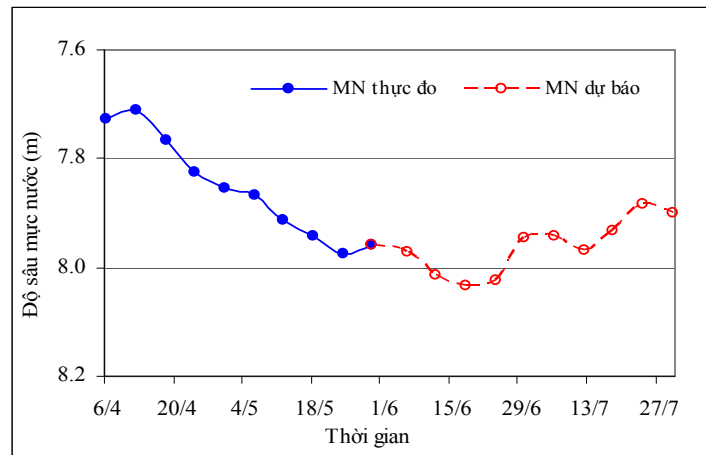
II.6.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326020M1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ so với trung bình tháng 4 với giá trị là 1,51m. Mực nước nông nhất là 7,85m và mực nước sâu nhất là 7,97m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng song không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q326020M1 như sau (xem hình 35 và bảng 18).



Hình 34. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng qp2-3



Hình 35. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp2-3

Bảng 18. Độ sâu mực nước tầng qp2-3 (m)

Ngày	TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	7,87	7,97	7,94
12	7,91	8,01	7,97
18	7,94	8,03	7,93
24	7,97	8,02	7,88
30	7,96	7,95	7,90
TB	7,93	8,00	7,93

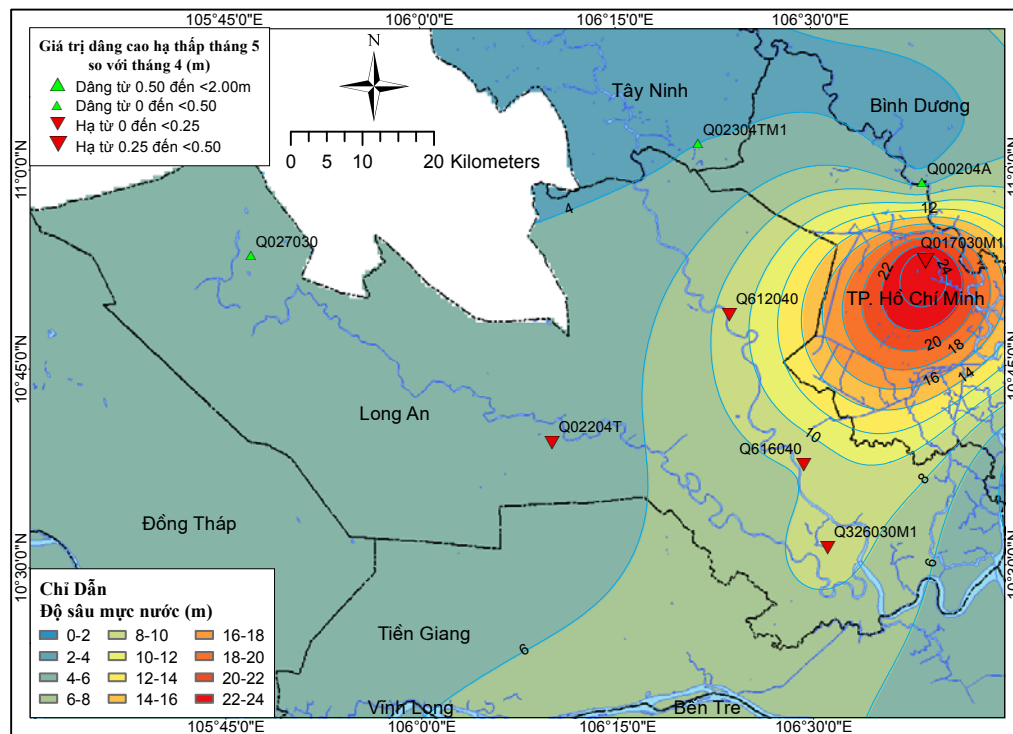
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.6.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

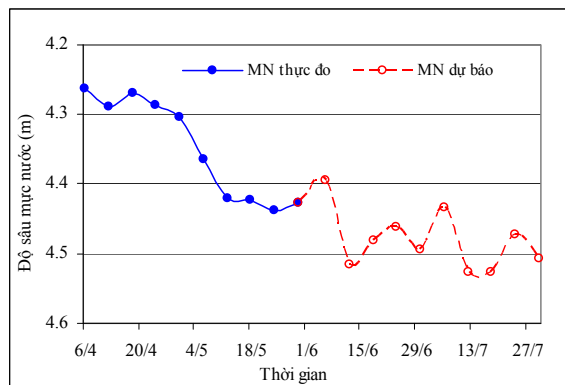
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,14m. Giá trị hạ thấp nhất là 0,19m tại TT Bến Lức, huyện Bến Lức (Q616040).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 4,74m tại TT Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa (Q02204T), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 8,70m tại TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326030M1).

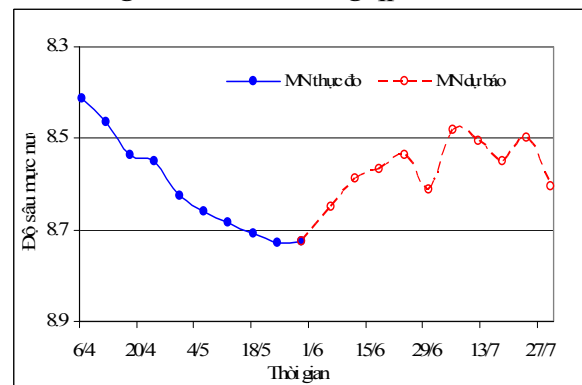
Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế hạ và dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 37 và bảng 19).



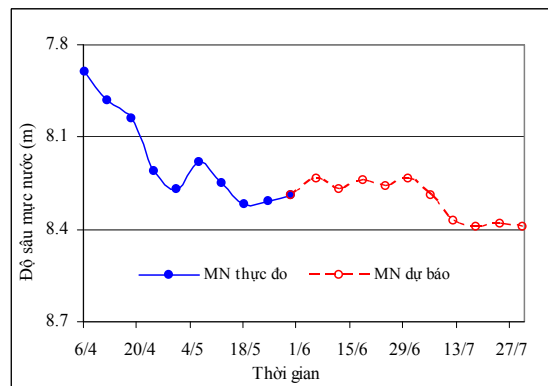
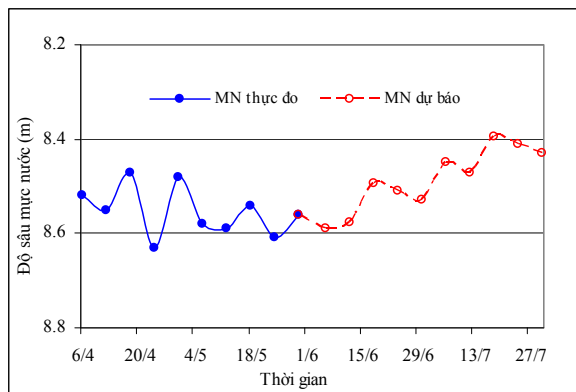
Hình 36. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng qp₁



(a) TT Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa (Q02204T)



(b) TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326030M1)



(c) xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa (Q612040) (d) TT Bến Lức, huyện Bến Lức (Q616040)

Hình 37. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₁

Bảng 19. Độ sâu mực nước tầng qp₁ (m)

Ngày	TT Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa (Q02204T)			TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326030M1)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	4,36	4,39	4,43	8,66	8,59	8,48
12	4,42	4,52	4,53	8,68	8,59	8,51
18	4,42	4,48	4,53	8,71	8,57	8,55
24	4,44	4,46	4,47	8,73	8,54	8,50
30	4,43	4,50	4,51	8,73	8,61	8,60
TB	4,41	4,47	4,49	8,70	8,58	8,53
Ngày	xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa (Q612040)			TT Bến Lức, huyện Bến Lức (Q616040)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	8,58	8,59	8,45	8,18	8,24	8,29
12	8,59	8,58	8,47	8,25	8,27	8,37
18	8,54	8,50	8,40	8,32	8,24	8,39
24	8,61	8,51	8,41	8,31	8,26	8,38
30	8,56	8,53	8,43	8,29	8,24	8,39
TB	8,58	8,54	8,43	8,27	8,25	8,36

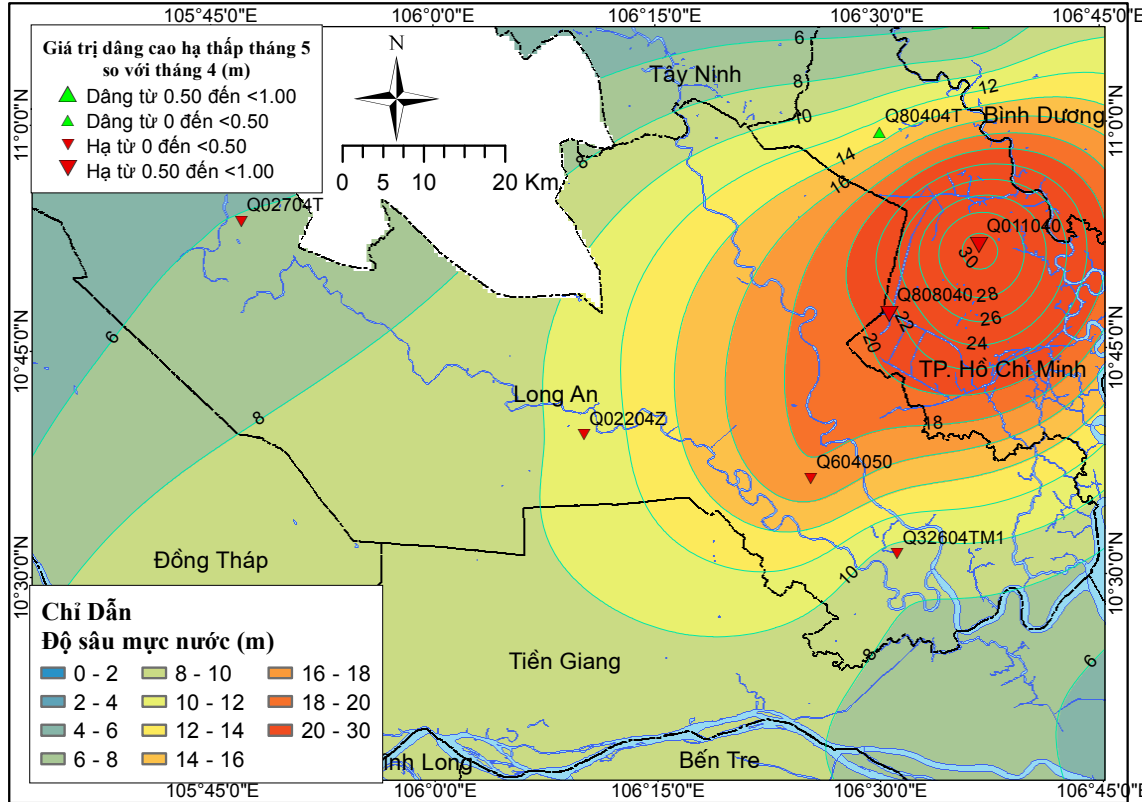
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.6.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n₂)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,16m. Giá trị hạ thấp nhất là 0,22m tại xã Nhị Thành, huyện Thủ

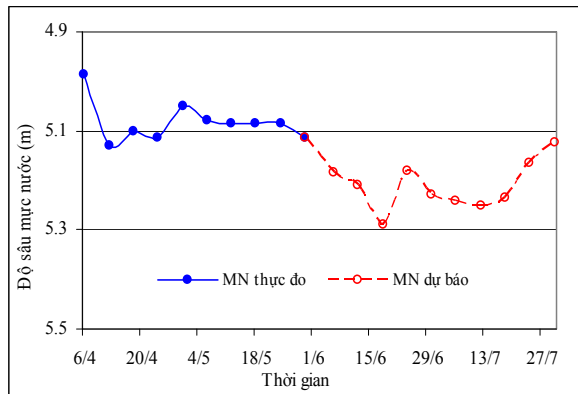
Thừa (Q02204Z).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 6,06m tại TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q02704T), mức nước trung bình tháng sâu nhất là 17,42m tại xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa (Q604050).

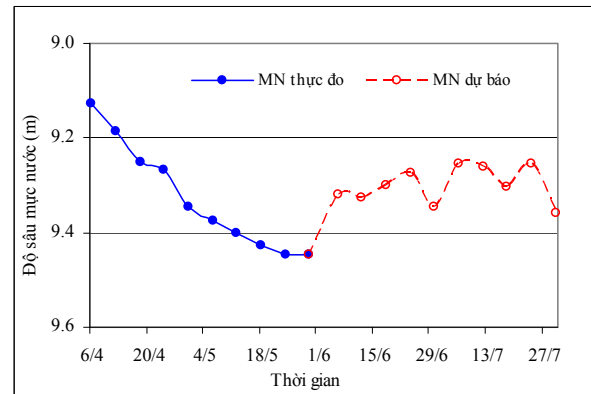


Hình 38. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng n_2^2

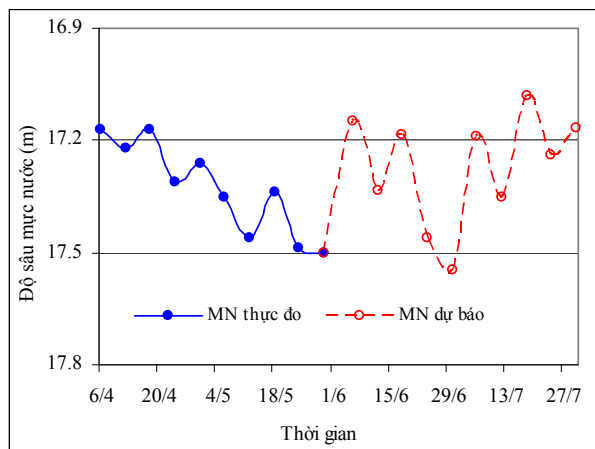
Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có 2 xu thế hạ thấp và dâng cao. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 39 và bảng 20).



(a) TT Vinh Hưng, huyện Vinh Hưng (Q02704T)



(b) TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q32604TM1)



(c) xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa (Q604050)

Hình 39. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^2

Bảng 20. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng (Q02704T)			TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q32604TM1)			xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa (Q604050)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	5,08	5,19	5,24	9,38	9,32	9,26	17,35	17,15	17,19
12	5,09	5,21	5,25	9,40	9,33	9,26	17,46	17,34	17,35
18	5,09	5,29	5,24	9,43	9,30	9,30	17,34	17,19	17,08
24	5,09	5,18	5,17	9,45	9,27	9,26	17,49	17,46	17,24
30	5,12	5,23	5,13	9,45	9,35	9,36	17,50	17,55	17,17
TB	5,09	5,22	5,20	9,42	9,31	9,29	17,43	17,34	17,21

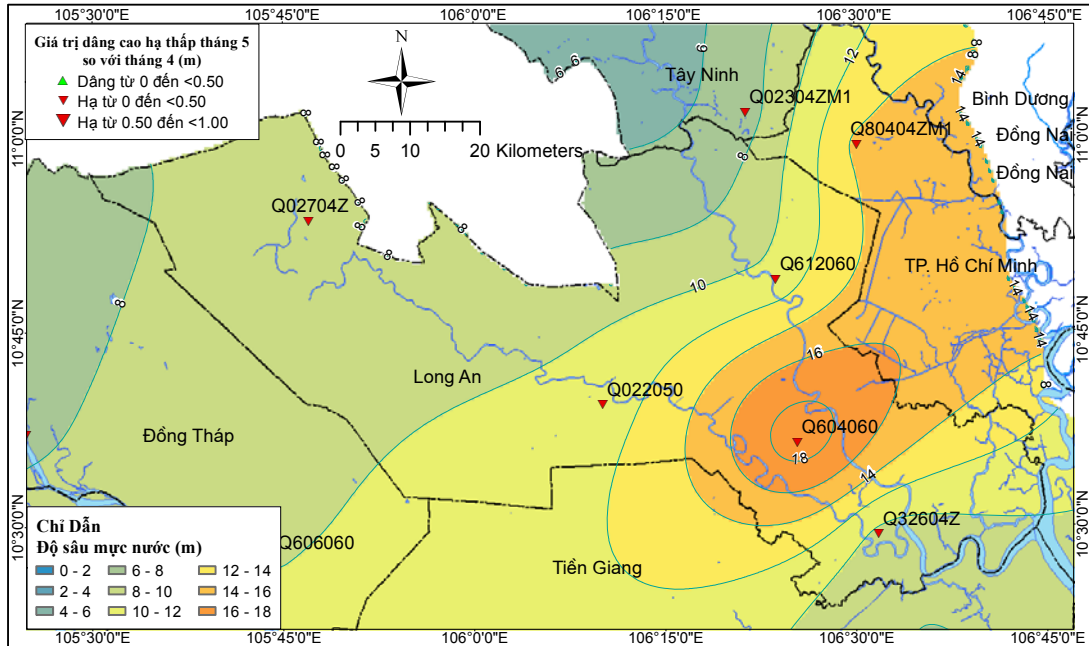
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.6.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

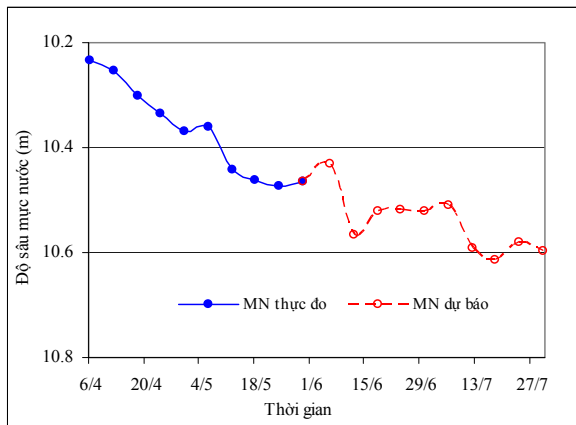
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,14m. Giá trị hạ thấp nhất là 0,26m tại xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa (Q612060).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 8,32m tại TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng (Q02704Z), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 18,93m tại xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa (Q604060).

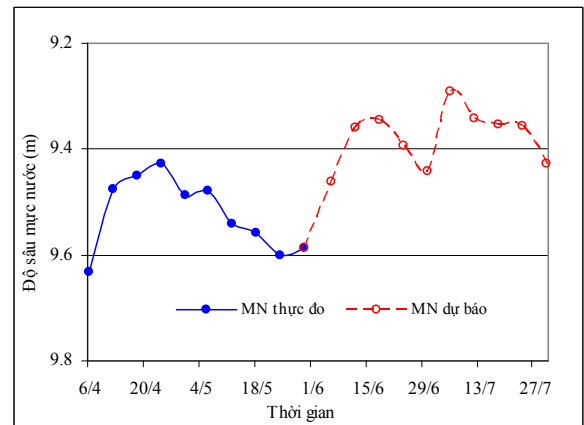
Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có hai xu thế hạ và dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 41 và bảng 21).



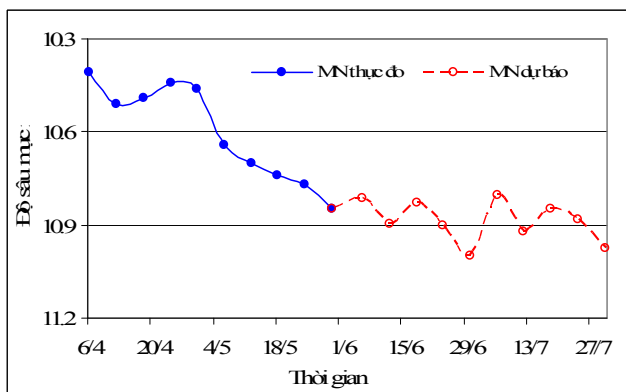
Hình 40. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng n_2^1



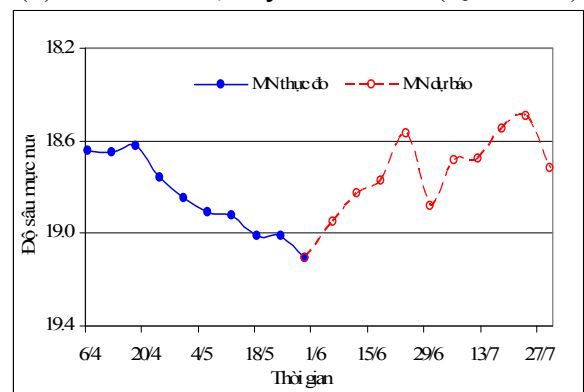
(a) TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q022050)



(b) xã Đức Tân, huyện Tân Trụ (Q32604Z)



(c) xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa (Q612060)



(d) xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa (Q604060)

Hình 41. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^1



Bảng 21. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q022050)			xã Đức Tân, huyện Tân Trụ (Q32604Z)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	10,36	10,43	10,51	9,48	9,46	9,29
12	10,44	10,57	10,59	9,54	9,36	9,34
18	10,46	10,52	10,61	9,56	9,34	9,35
24	10,47	10,52	10,58	9,60	9,39	9,36
30	10,46	10,52	10,60	9,59	9,44	9,43
TB	10,44	10,51	10,58	9,55	9,40	9,35
Ngày	xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa (Q612060)			xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa (Q604060)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	10,64	10,82	10,81	18,91	18,68	18,69
12	10,70	10,90	10,92	18,92	18,83	18,68
18	10,74	10,83	10,85	19,01	18,78	18,55
24	10,77	10,90	10,88	19,01	18,57	18,49
30	10,85	11,09	10,98	19,11	18,88	18,72
TB	10,46	10,70	10,87	18,99	18,75	18,62

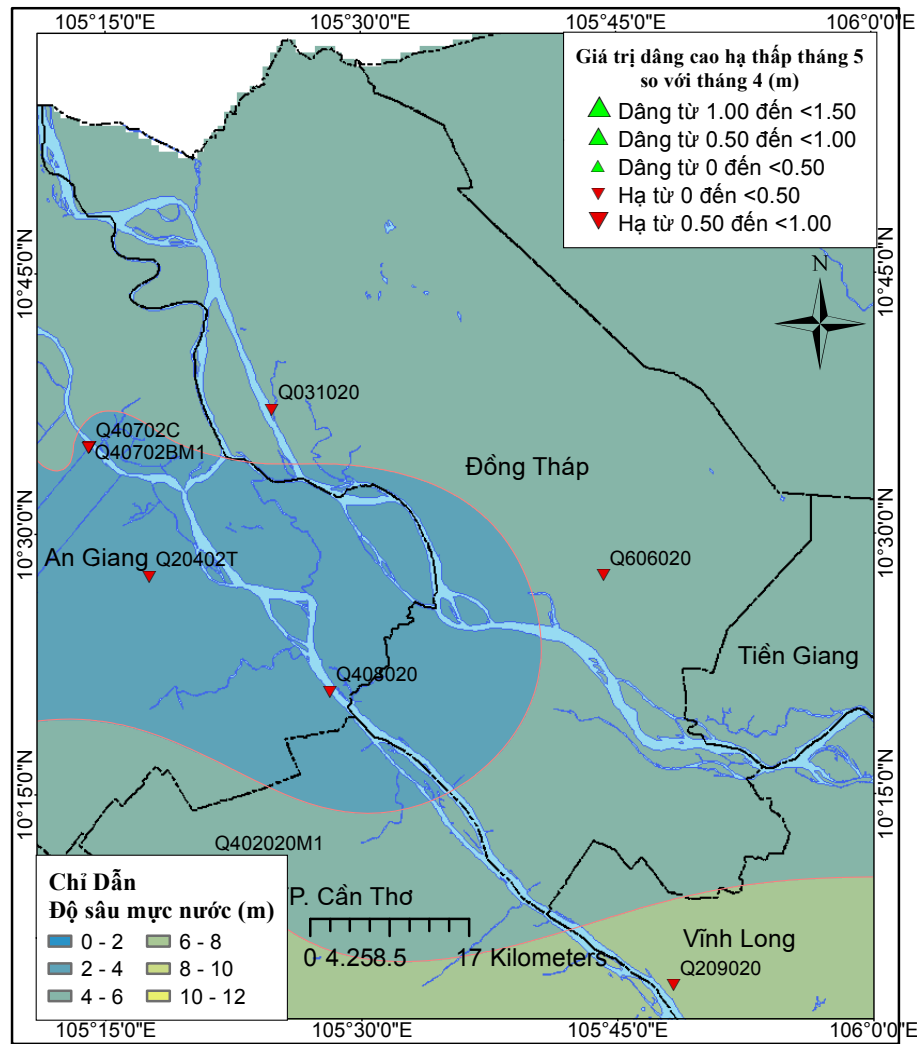
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.7. Tỉnh Đồng Tháp:

II.7.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)

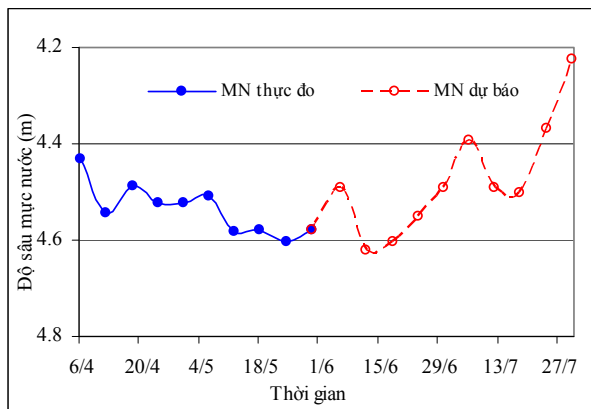
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,06m. Giá trị hạ thấp nhất là 0,07m tại xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh (Q606020).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 4,46 tại xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh (Q606020), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,56m tại xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031020).

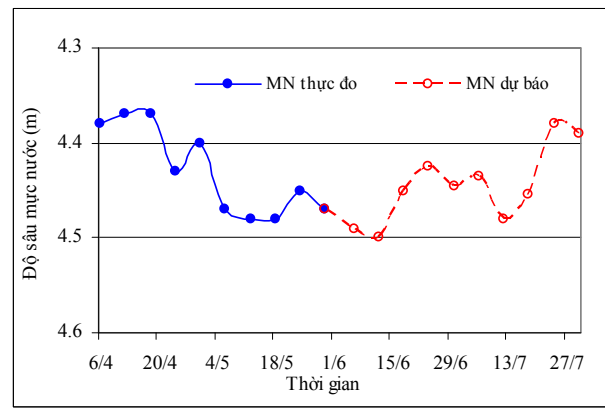


Hình 42. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng q₃

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước không có biến động nhiều. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 43 và bảng 22).



(a) xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031020)



(b) xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh (Q0606020)

Hình 43. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng q₃

Bảng 22. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

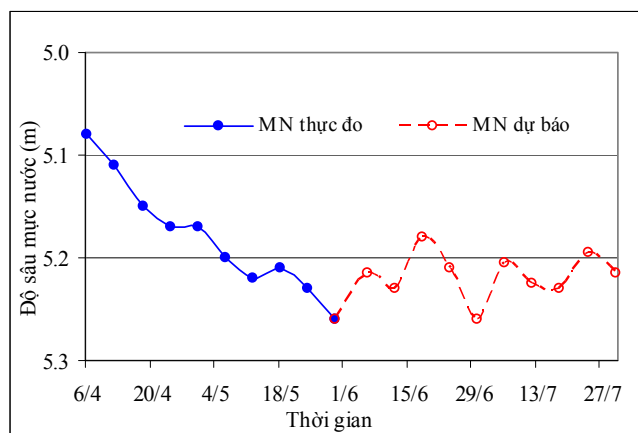
Ngày	xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031020)			xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh (Q606020)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	4,51	4,49	4,39	4,47	4,49	4,44
12	4,58	4,62	4,49	4,48	4,50	4,48
18	4,58	4,60	4,50	4,48	4,45	4,46
24	4,61	4,55	4,37	4,45	4,43	4,38
30	4,58	4,49	4,22	4,47	4,45	4,39
TB	4,57	4,55	4,40	4,39	4,44	4,43

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.7.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206020M1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,08m. Mực nước nông nhất là 5,20m và mực nước sâu nhất là 5,26m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước không có biến động nhiều. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q206020M1 như sau (xem hình 44 và bảng 23).



Hình 44. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₂₋₃

Bảng 23. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	5,20	5,22	5,21
12	5,22	5,23	5,23

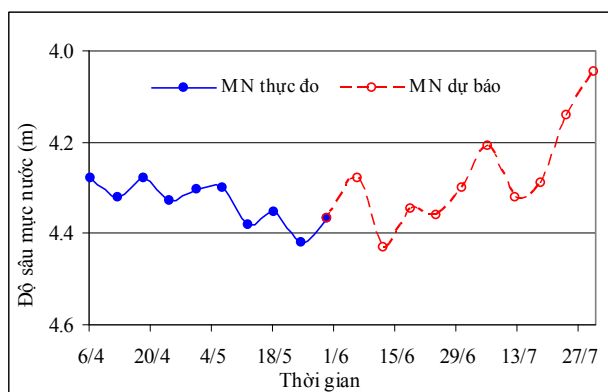
Ngày	xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206020M1)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
18	5,21	5,18	5,23
24	5,23	5,21	5,20
30	5,26	5,26	5,22
TB	5,22	5,22	5,21

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.7.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031030) mức nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,06m. Mức nước nông nhất là 4,29m và mức nước sâu nhất là 4,42m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mức nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mức nước tại công trình Q031030 như sau (xem hình 45 và bảng 24).



Hình 45. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₁

Bảng 24. Độ sâu mực nước tầng qp₁ (m)

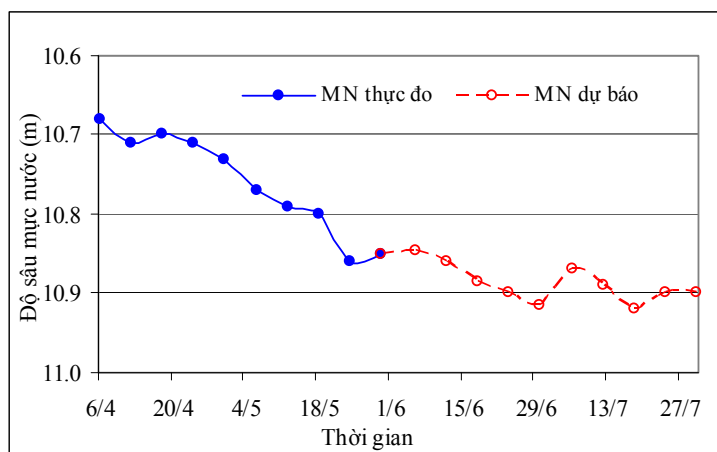
Ngày	xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031030)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	4,28	4,27	4,34
12	4,32	4,32	4,37
18	4,28	4,31	4,31
24	4,33	4,29	4,28
30	4,30	4,31	4,25
TB	4,30	4,30	4,31

Cảnh báo: không có cảnh báo.

II.7.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206030M1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,10m. Mực nước nông nhất là 10,77m và mực nước sâu nhất là 10,86m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế hạ song không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q206030M1 như sau (xem hình 46 và bảng 25).



Hình 46. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^2

Bảng 25. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206030M1)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	10,77	10,85	10,87
12	10,79	10,86	10,89
18	10,80	10,89	10,92
24	10,86	10,90	10,90
30	10,85	10,92	10,90
TB	10,81	10,88	10,90

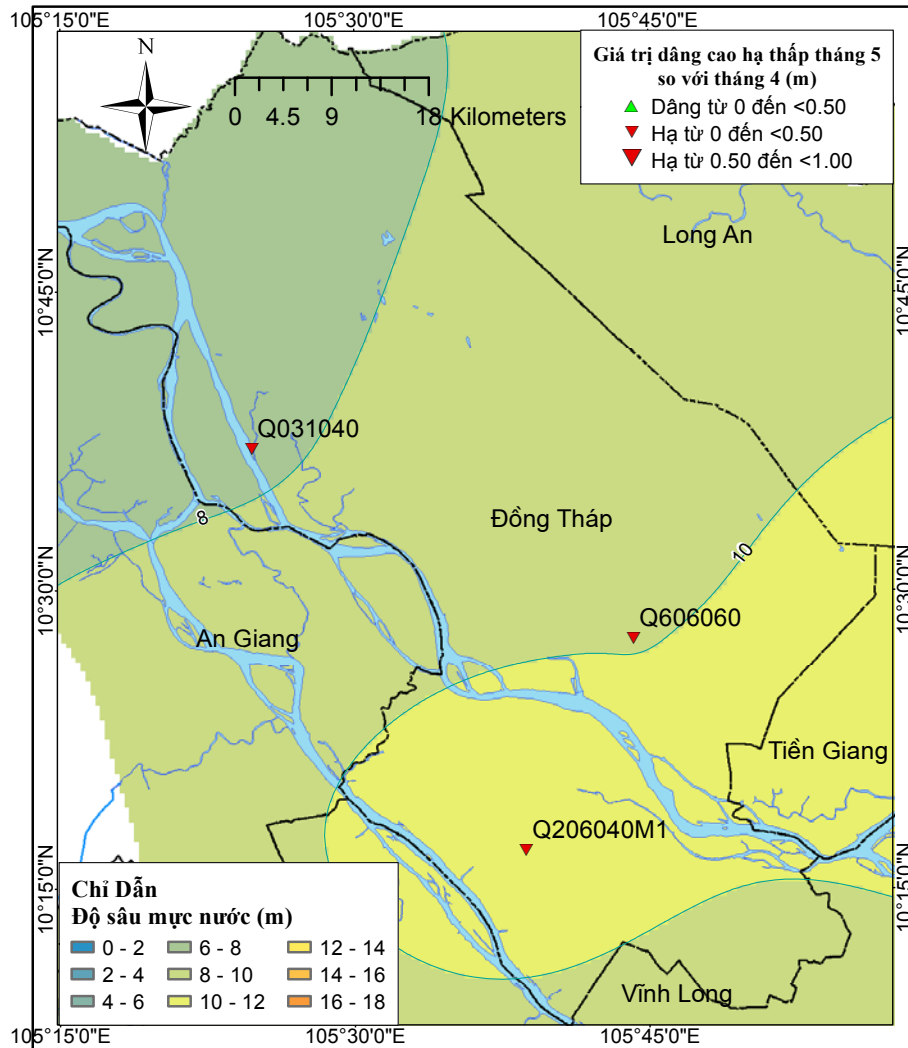
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.7.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

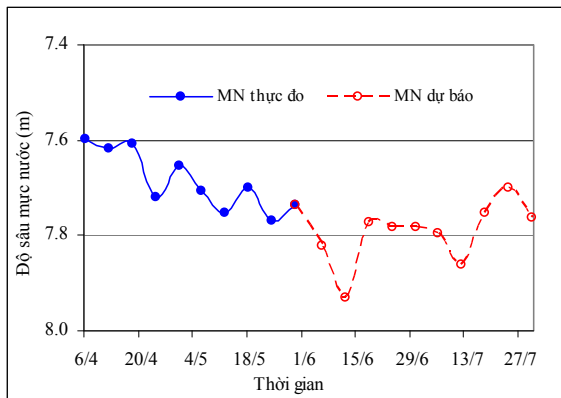
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,08m. Giá trị hạ thấp nhất là 0,09 tại xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031040).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 7,73m tại xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031040), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 11,03m tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206040M1).

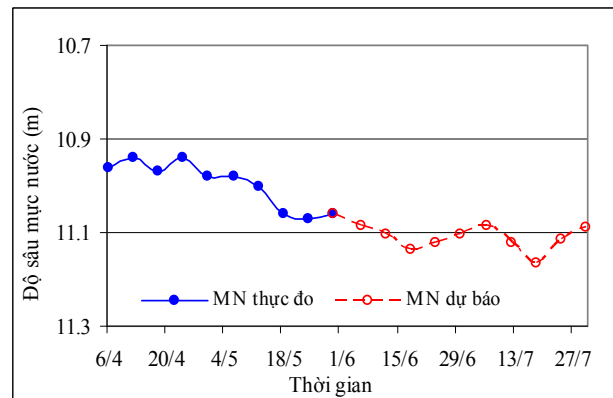
Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 48 và bảng 26).



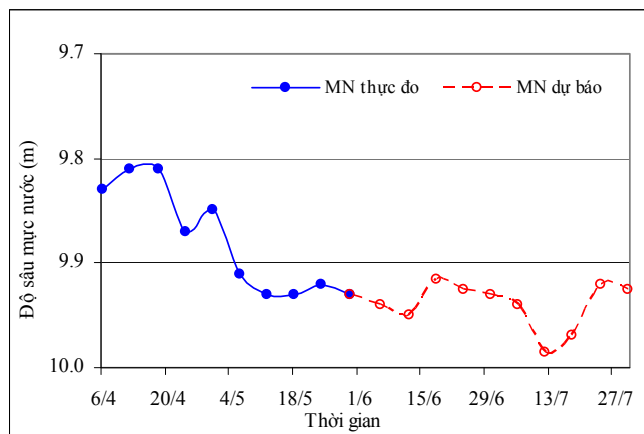
Hình 47. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng n₂¹



(a) xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031040)



(b) xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206040M1)



(c) xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh (Q606060)

Hình 48. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^1

Bảng 26. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031040)			xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206040M1)			xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh (Q606060)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	7,71	7,82	7,80	10,98	11,09	11,09	9,91	9,94	9,94
12	7,75	7,93	7,86	11,00	11,11	11,12	9,93	9,95	9,99
18	7,70	7,77	7,75	11,06	11,14	11,17	9,93	9,92	9,97
24	7,77	7,78	7,70	11,07	11,12	11,12	9,92	9,93	9,92
30	7,74	7,78	7,76	11,06	11,11	11,09	9,93	9,93	9,93
TB	7,73	7,82	7,77	11,03	11,11	11,12	9,92	9,93	9,95

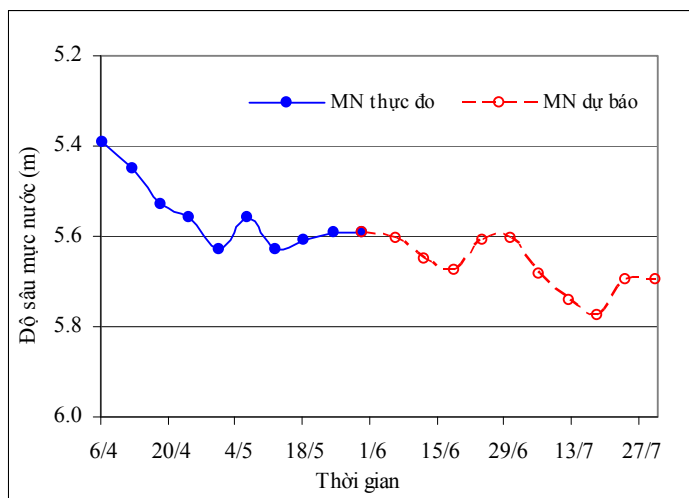
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.8. Tỉnh Bến Tre:

II.8.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại TT Ba Tri, huyện Ba Tri (Q219020M1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,08m. Mực nước nông nhất là 5,56m và mực nước sâu nhất là 5,63m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước biến động không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q219020M1 như sau (xem hình 49 và bảng 27).



Hình 49. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₃

Bảng 27. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

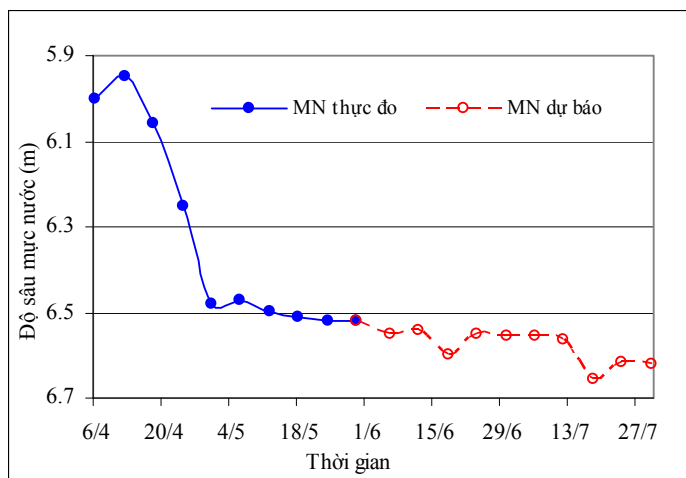
Ngày	TT Ba Tri, huyện Ba Tri (Q219020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	5,56	5,61	5,69
12	5,63	5,65	5,74
18	5,61	5,68	5,78
24	5,59	5,61	5,70
30	5,59	5,61	5,70
TB	5,60	5,63	5,72

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.8.2. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại TT Ba Tri, huyện Ba Tri (Q219030) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ thấp so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,34m. Mực nước nông nhất là 6,47m và mực nước sâu nhất là 6,54m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q219030 như sau (xem hình 50 và bảng 28).



Hình 50. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp_1

Bảng 28. Độ sâu mực nước tầng qp_1 (m)

Ngày	TT Ba Tri, huyện Ba Tri (Q219030)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	6,47	6,55	6,56
12	6,50	6,54	6,57
18	6,51	6,60	6,66
24	6,52	6,55	6,62
30	6,52	6,56	6,62
TB	6,50	6,56	6,60

Cảnh báo: không có cảnh báo

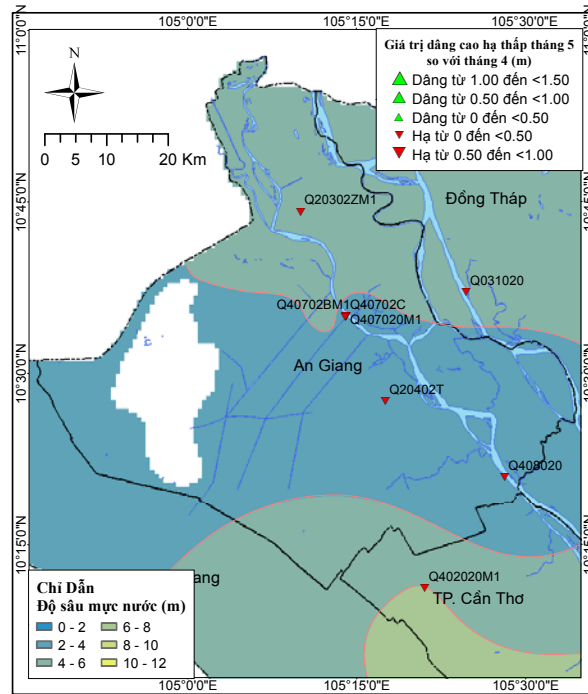
II.9. Tỉnh An Giang:

II.9.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)

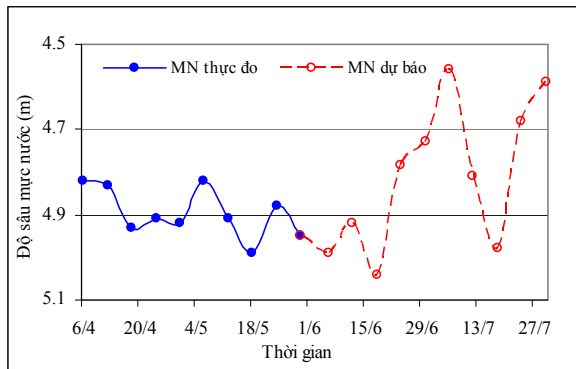
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,08m. Giá trị hạ thấp nhất là 0,24m tại xã Cồn Đăng, huyện Châu Thành (Q20402T).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 2,28m tại phường Mỹ Thạnh, TP Long Xuyên (Q408020), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 4,90m tại xã Lê Chánh, huyện Tân Châu (Q20302ZM1).

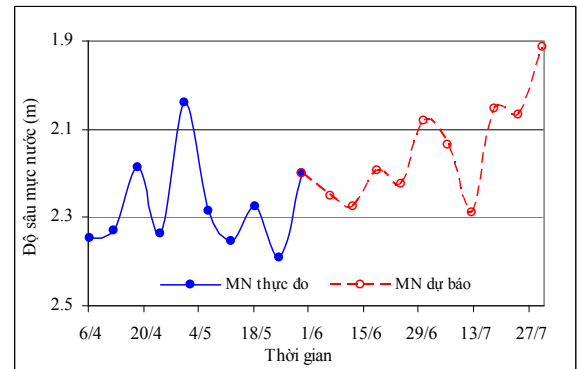
Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng, song không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 52 và bảng 29).



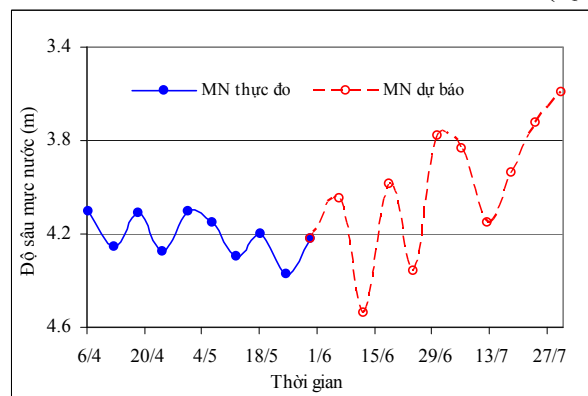
Hình 51. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng q₃



(a) xã Lê Chánh, huyện Tân Châu (Q20302ZM1)



(b) phường Mỹ Thạnh, TP Long Xuyên (Q408020)



(c) TT Cái Dầu, huyện Châu Phước (Q407020M1)

Hình 52. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng q₃

Bảng 29. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

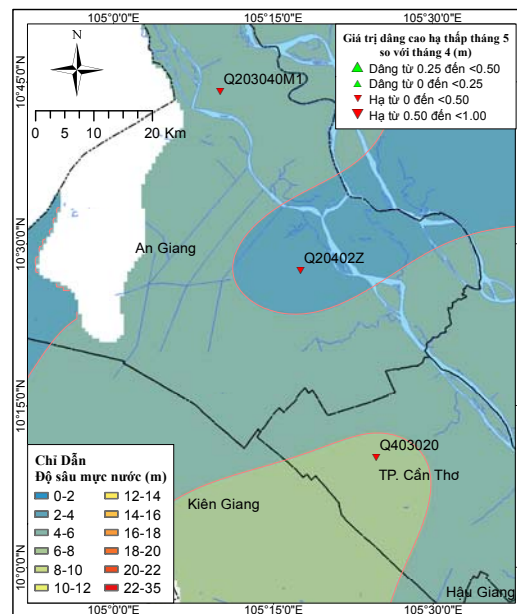
Ngày	Xã Lê Chánh, huyện Tân Châu (Q20302ZM1)			phường Mỹ Thạnh, TP Long Xuyên (Q408020)			TT Cái Dầu, huyện Châu Phước (Q407020M1)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	4,82	4,99	4,56	2,29	2,25	2,14	4,15	4,05	3,84
12	4,91	4,92	4,81	2,36	2,28	2,29	4,30	4,54	4,15
18	4,99	5,04	4,98	2,28	2,19	2,05	4,20	3,98	3,94
24	4,88	4,79	4,68	2,39	2,22	2,07	4,38	4,36	3,73
30	4,95	4,73	4,59	2,20	2,08	1,92	4,22	3,78	3,59
TB	4,91	4,89	4,72	2,30	2,20	2,09	4,25	4,14	3,85

Cảnh báo: không có cảnh báo.

II.9.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

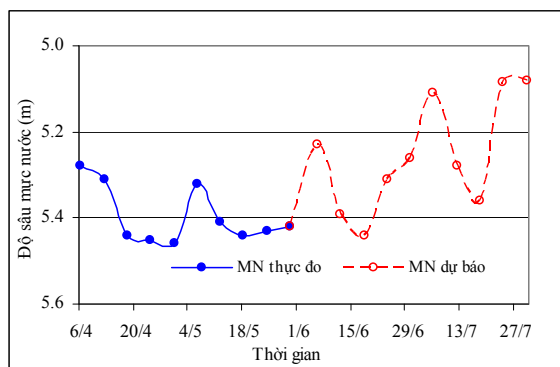
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,05m. Giá trị hạ thấp nhất là 0,09m tại xã Càn Đăng, huyện Châu Thành (Q20402Z).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 3,58m tại xã Càn Đăng, huyện Châu Thành (Q20402Z), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 5,40m tại xã Lê Chánh, huyện Tân Châu (Q203040M1).

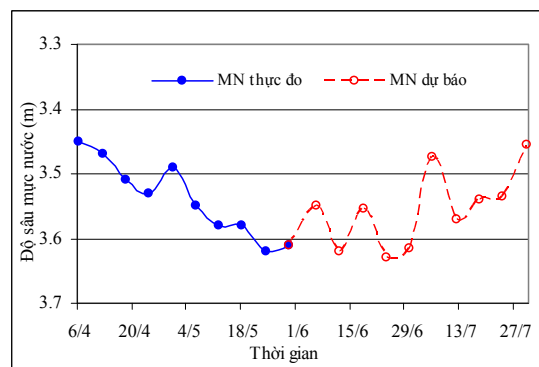


Hình 53. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng qp₂₋₃

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng song không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 54 và bảng 30).



(a) xã Lê Chánh, huyện Tân Châu
(Q203040M1)



(b) xã Cần Đăng, huyện Châu Thành
(Q20402Z)

Hình 54. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₂₋₃

Bảng 30. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

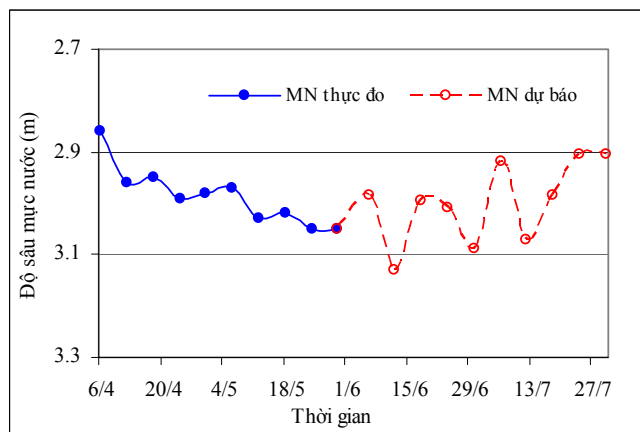
Ngày	xã Lê Chánh, huyện Tân Châu (Q203040M1)		xã Cần Đăng, huyện Châu Thành (Q20402Z)			
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	5,32	5,23	5,11	3,55	3,55	3,48
12	5,41	5,39	5,28	3,58	3,62	3,57
18	5,44	5,44	5,36	3,58	3,56	3,54
24	5,43	5,31	5,09	3,62	3,63	3,54
30	5,42	5,26	5,08	3,61	3,62	3,46
TB	5,40	5,33	5,18	3,59	3,59	3,52

Cảnh báo: không có cảnh báo.

II.9.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại xã Cần Đăng, huyện Châu Thành (Q204040) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,06m. Mực nước nông nhất là 2,95m và mực nước sâu nhất là 3,05m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước không có biến động nhiều. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q204040 như sau (xem hình 55 và bảng 31).



Hình 55. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^2

Bảng 31. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	xã Cần Đăng, huyện Châu Thành (Q204040)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	2,97	2,99	2,92
12	3,03	3,13	3,07
18	3,02	3,00	2,99
24	3,05	3,01	2,91
30	3,05	3,09	2,91
TB	3,02	3,04	2,96

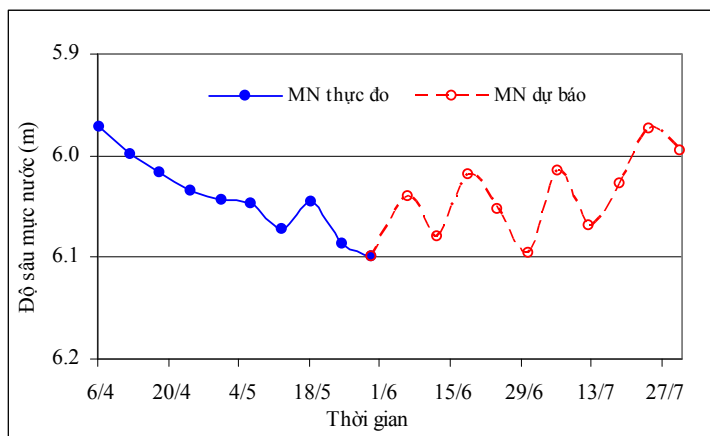
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.10. Thành phố Cần Thơ:

II.10.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

Trong phạm vi thành phố, theo kết quả quan trắc tại xã Thạnh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh (Q402020M1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,06m. Mực nước nông nhất là 6,04m và mực nước sâu nhất là 6,10m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước biến động không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q402020M1 như sau (xem hình 56 và bảng 32).



Hình 56. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₃

Bảng 32. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

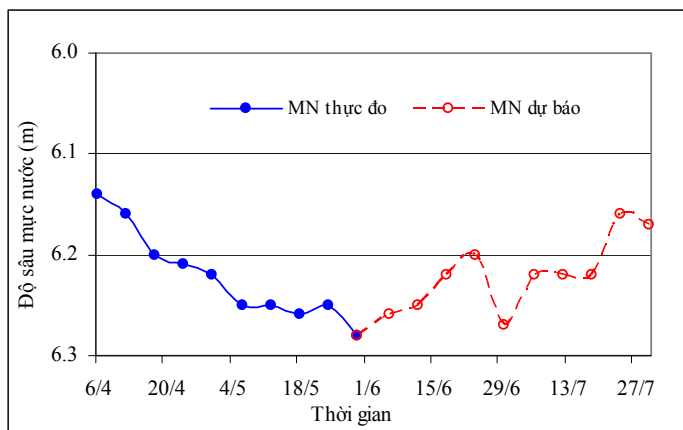
Ngày	xã Thanh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh (Q402020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	6,05	6,04	6,01
12	6,07	6,08	6,07
18	6,05	6,02	6,03
24	6,09	6,05	5,97
30	6,10	6,10	5,99
TB	6,07	6,06	6,02

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.10.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Trong phạm vi thành phố, theo kết quả quan trắc tại phường Thạnh Quới, quận Thốt Nốt (Q403020) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,07m. Mực nước nông nhất là 6,23m và mực nước sâu nhất là 6,28m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước không có biến động nhiều. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q403020 như sau (xem hình 57 và bảng 33).



Hình 57. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₂₋₃

Bảng 33. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	phường Thạnh Quới, quận Thốt Nốt (Q403020)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	6,25	6,26	6,22
12	6,25	6,25	6,22
18	6,26	6,22	6,22
24	6,25	6,20	6,16
30	6,28	6,27	6,17
TB	6,26	6,24	6,20

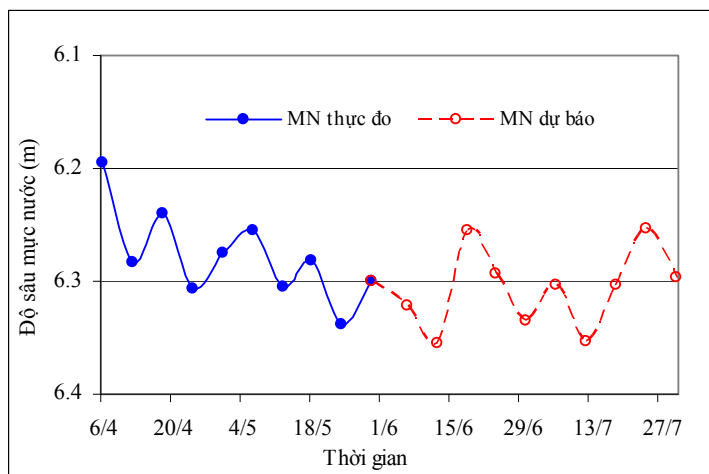
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.11. Tỉnh Vĩnh Long:

II.11.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại xã Cái Vồn, huyện Bình Minh (Q209020) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,05m. Mực nước nông nhất là 6,49m và mực nước sâu nhất là 6,59m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước biến động không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q209020 như sau (xem hình 58 và bảng 34).



Hình 58. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₃

Bảng 34. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

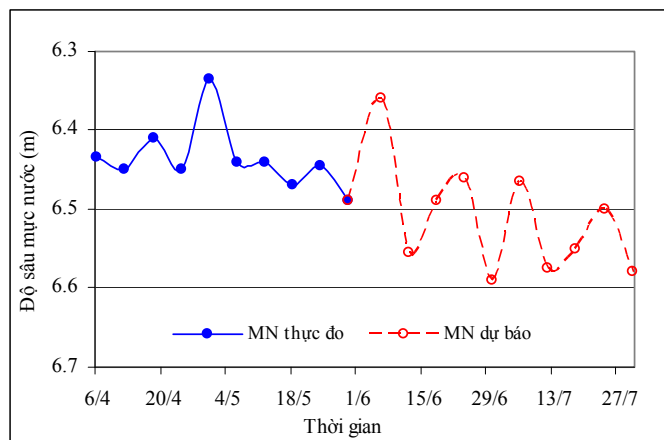
Ngày	xã Cái Vồn, huyện Bình Minh (Q209020)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	6,49	6,32	6,30
12	6,55	6,36	6,35
18	6,52	6,25	6,30
24	6,58	6,29	6,25
30	6,54	6,34	6,30
TB	6,30	6,31	6,30

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.11.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại xã Tân Long Hội, huyện Mãng Thít (Q21402TM1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,05m. Mực nước nông nhất là 6,42m và mực nước sâu nhất là 6,49m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước biến động không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q21402TM1 như sau (xem hình 59 và bảng 35).



Hình 59. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₂₋₃

Bảng 35. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

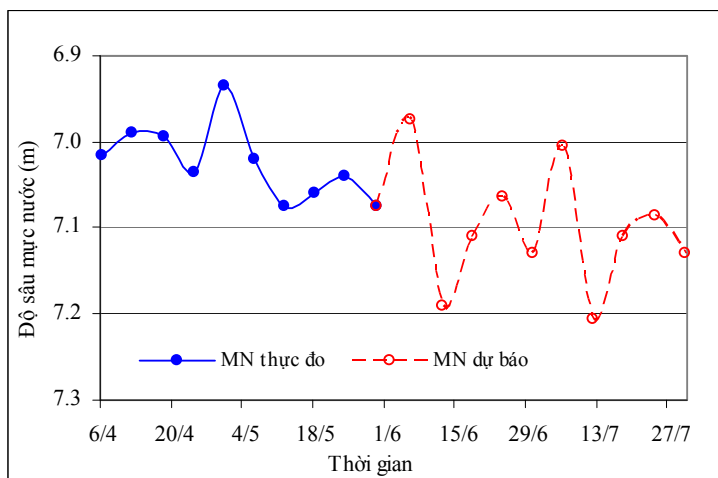
Ngày	xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q21402TM1)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	6,44	6,36	6,47
12	6,44	6,56	6,58
18	6,47	6,49	6,55
24	6,45	6,46	6,50
30	6,49	6,59	6,58
TB	6,46	6,49	6,53

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.11.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q21402ZM1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ thấp không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,09m. Mực nước nông nhất là 7,01m và mực nước sâu nhất là 7,08m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước biến động không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q21402ZM1 như sau (xem hình 60 và bảng 36).



Hình 60. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp_1

Bảng 36. Độ sâu mực nước tầng qp_1 (m)

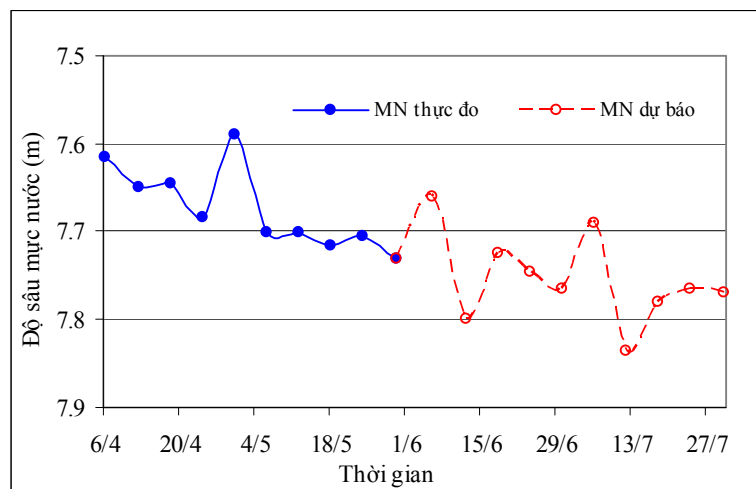
Ngày	xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q21402ZM1)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	7,02	6,98	7,01
12	7,08	7,19	7,21
18	7,06	7,11	7,11
24	7,04	7,07	7,09
30	7,08	7,13	7,13
TB	7,05	7,09	7,11

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.11.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q214030M1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,09m. Mực nước nông nhất là 7,67m và mực nước sâu nhất là 7,73m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế hạ thấp song không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q214030M1 như sau (xem hình 61 và bảng 37).



Hình 61. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^2

Bảng 37. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	xã Tân Long Hội, huyện Mãng Thít (Q214030M1)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	7,70	7,66	7,69
12	7,70	7,80	7,84
18	7,72	7,73	7,78
24	7,71	7,75	7,77
30	7,73	7,77	7,77
TB	7,71	7,74	7,77

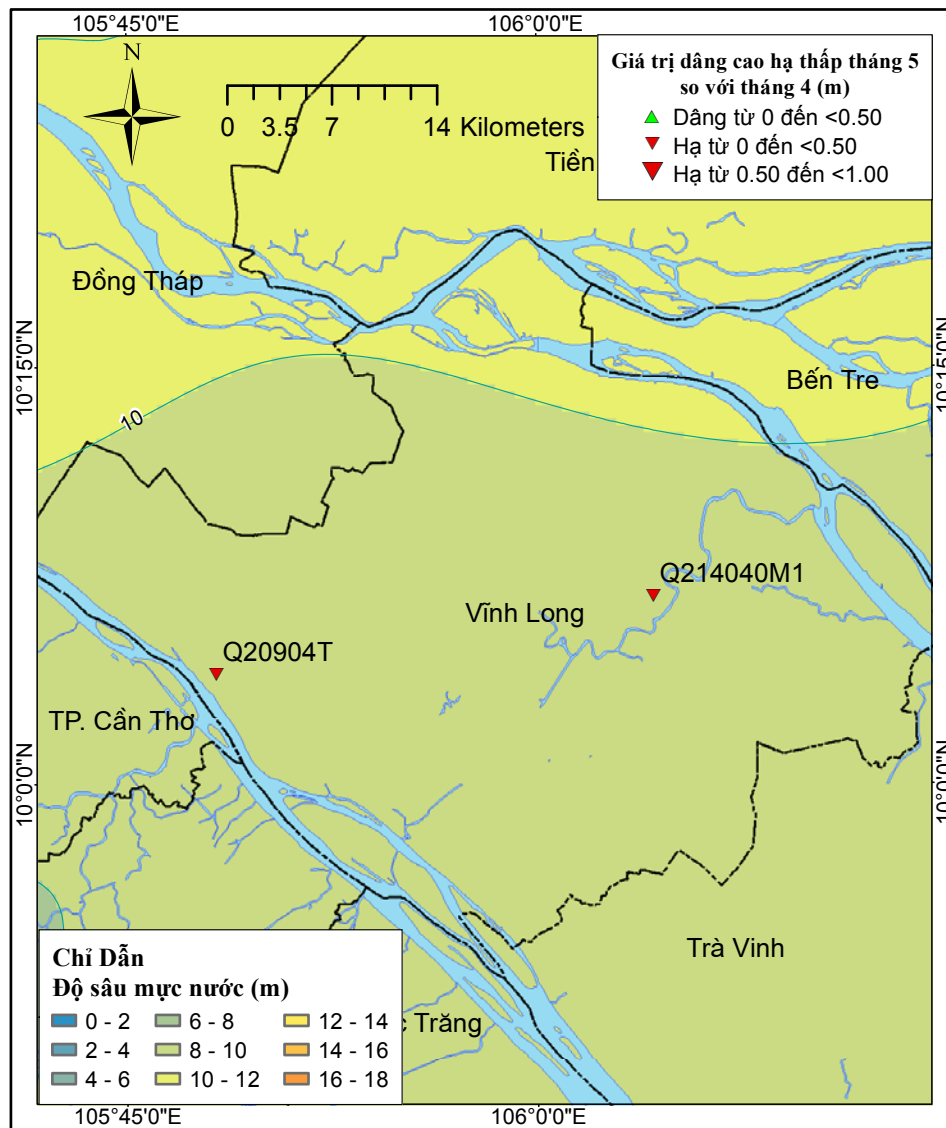
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.11.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

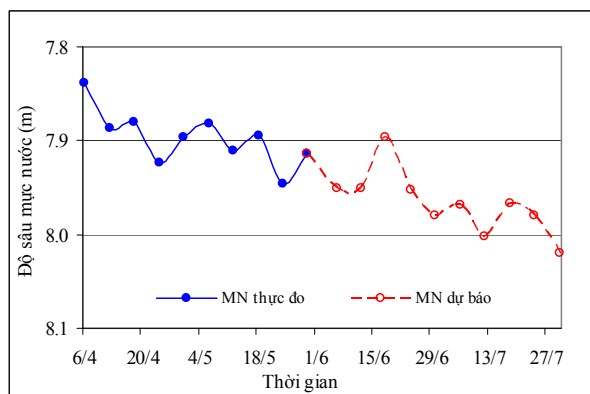
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,02m. Giá trị hạ thấp nhất là 0,03m tại xã Cái Vồn, huyện Bình Minh (Q20904T).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 8,17m tại xã Cái Vồn, huyện Bình Minh (Q20904T), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 9,18m tại xã Tân Long Hội, huyện Mãng Thít (Q214040M1).

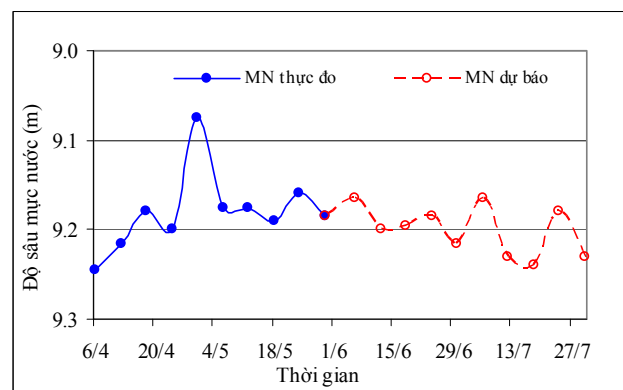
Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước biến động không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 63 và bảng 38).



Hình 62. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng n_2^1



(a) xã Cái Vồn, huyện Bình Minh (Q20904T)



(b) xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q214040M1)

Hình 63. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^1

Bảng 38. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	Xã Cái Vồn, huyện Bình Minh (Q20904T)			Xã Tân Long Hội, huyện Mãng Thít (Q214040M1)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	7,88	7,95	7,97	9,18	9,17	9,17
12	7,91	7,95	8,00	9,18	9,20	9,23
18	7,89	7,90	7,97	9,19	9,20	9,24
24	7,95	7,95	7,98	9,16	9,19	9,18
30	7,91	7,98	8,02	9,19	9,22	9,23
TB	7,91	7,95	7,99	9,18	9,19	9,21

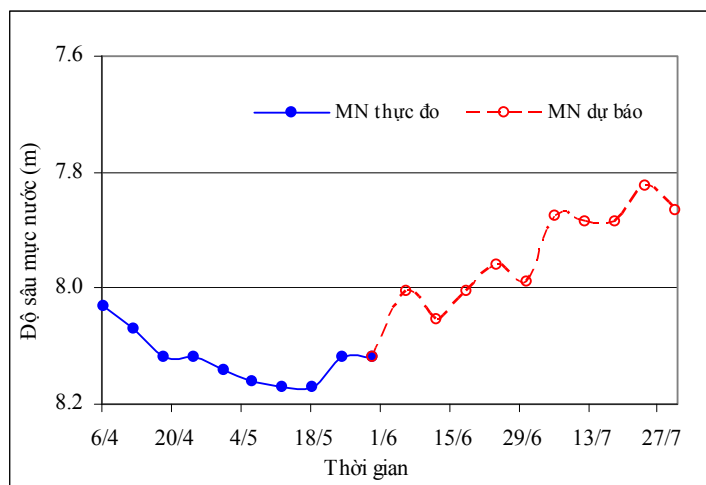
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.12. Tỉnh Trà Vinh:

II.12.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q404020) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,05m. Mực nước nông nhất là 8,37m và mực nước sâu nhất là 8,42m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng nhưng không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q404020 như sau (xem hình 64 và bảng 39).



Hình 64. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp_3

Bảng 39. Độ sâu mực nước tầng qp_3 (m)

Ngày	Xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q404020)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	8,16	8,01	7,88

Ngày	Xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q404020)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
12	8,17	8,06	7,89
18	8,17	8,01	7,89
24	8,12	7,96	7,83
30	8,12	7,99	7,87
TB	8,15	8,00	7,87

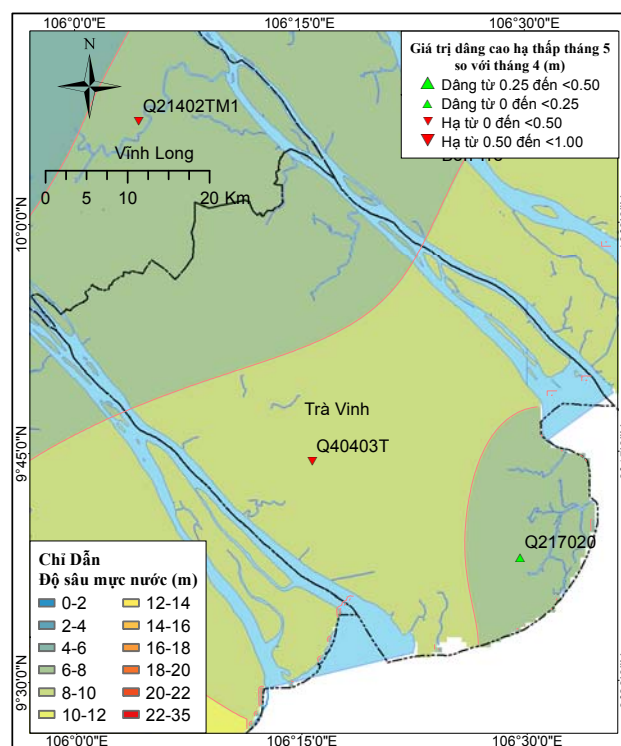
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.12.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp2-3)

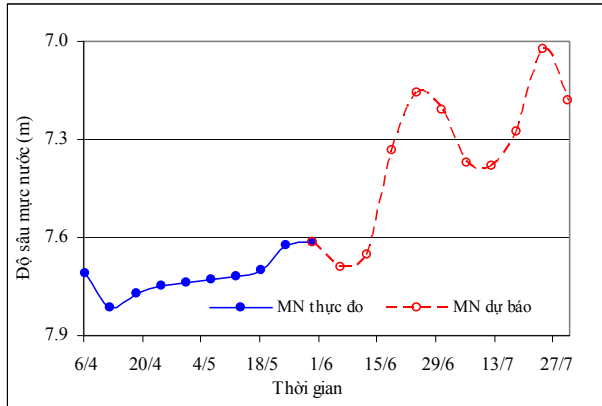
Trong phạm vi tỉnh, mức nước trung bình tháng 5 có hai xu thế dâng và hạ so với trung bình tháng 4. Giá trị dâng là 0,05m tại TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217020) và giá trị hạ là 0,06m tại xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40403T).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 7,78m tại TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217020), mức nước trung bình tháng sâu nhất là 8,40m tại xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40403T).

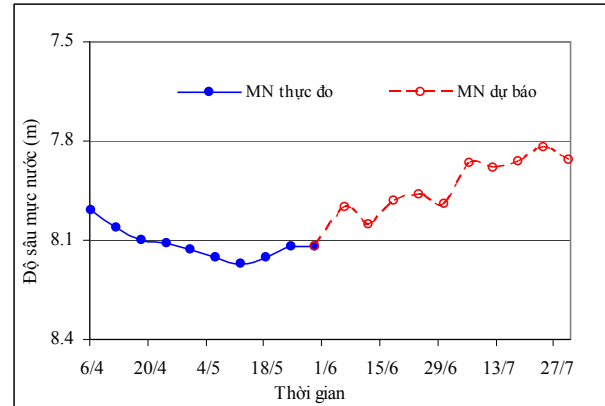
Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mức nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mức nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 66 và bảng 40).



Hình 65. Sơ đồ diễn biến mức nước tháng 5 năm 2014 tầng qp2-3



(a) TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217020)



(b) xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40403T)

Hình 66. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp2-3

Bảng 40. Độ sâu mực nước tầng qp2-3 (m)

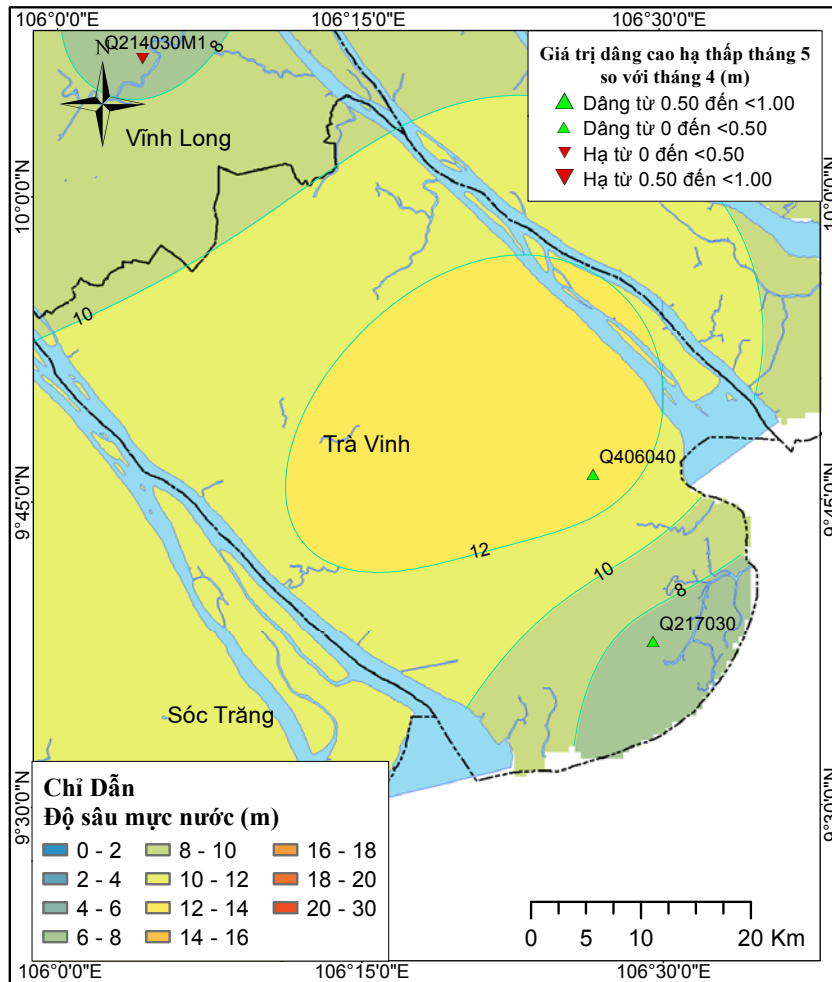
Ngày	TT.Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217020)			Xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40403T)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	7,73	7,69	7,37	8,15	8,00	7,87
12	7,72	7,65	7,38	8,17	8,05	7,88
18	7,70	7,33	7,28	8,15	7,98	7,86
24	7,63	7,16	7,03	8,12	7,96	7,82
30	7,61	7,21	7,18	8,12	7,99	7,86
TB	7,68	7,41	7,25	8,14	8,00	7,86

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.12.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

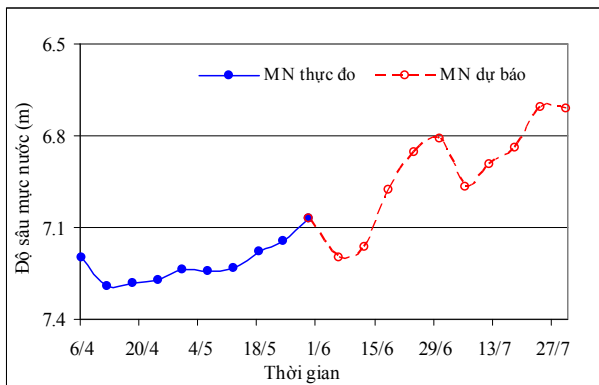
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu thế dâng so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,16m. Giá trị dâng cao nhất là 0,26m tại xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang (Q406040).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 7,25m tại TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217030), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 13,16m tại xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang (Q406040).

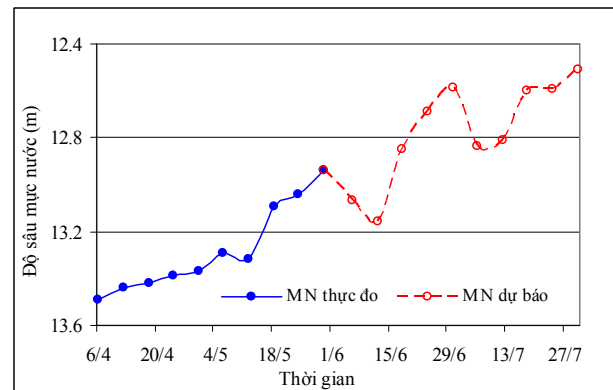


Hình 67. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng n_2^2

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 68 và bảng 41).



(a) TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217030)



(b) xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang (Q406040)

Hình 68. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^2

Bảng 41. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217030)			Xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang (Q406040)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	7,24	7,20	6,97	13,29	13,07	12,84
12	7,23	7,16	6,89	13,32	13,16	12,81
18	7,18	6,98	6,84	13,09	12,85	12,60
24	7,14	6,85	6,71	13,04	12,69	12,59
30	7,07	6,81	6,71	12,94	12,59	12,51
TB	7,17	7,00	6,82	13,14	12,87	12,67

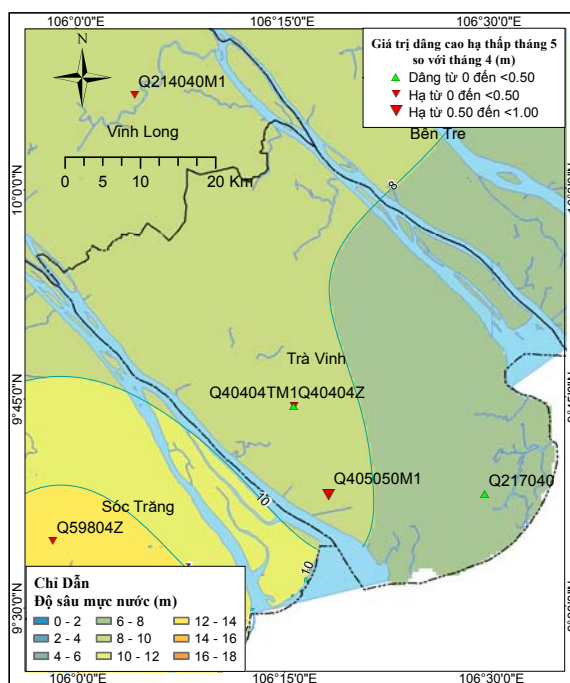
Cảnh báo: không có cảnh báo.

II.12.4. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

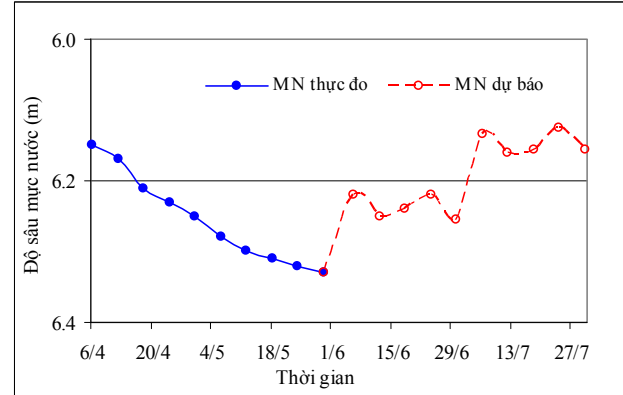
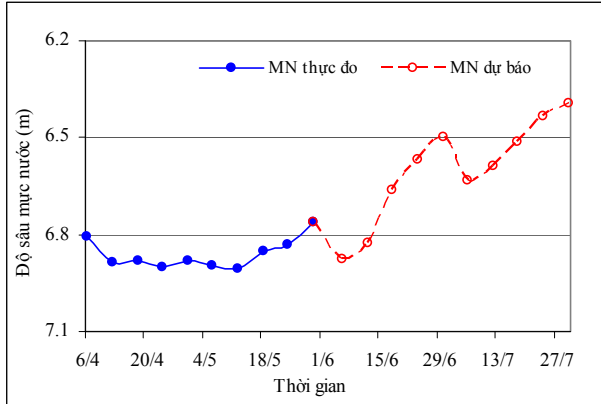
Trong phạm vi tỉnh, mức nước trung bình tháng 5 có hai xu thế dâng và hạ so với trung bình tháng 4. Giá trị dâng cao nhất là 0,05m tại xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40404TM1) và hạ thấp nhất là 0,52m tại xã Đại An, huyện Trà Cú (Q405050M1).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 6,56m tại xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40404Z), mức nước trung bình tháng sâu nhất là 10,68m tại xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40404TM1).

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mức nước có xu thế dâng cao. Chi tiết diễn biến mức nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 70 và bảng 42).



Hình 69. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng n_2^1



(a) TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217040)

(b) xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40404Z)

Hình 70. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^1

Bảng 42. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217040)			xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40404Z)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	6,90	6,87	6,63	6,28	6,22	6,14
12	6,90	6,83	6,59	6,30	6,25	6,16
18	6,85	6,66	6,51	6,31	6,24	6,16
24	6,83	6,57	6,44	6,32	6,22	6,13
30	6,76	6,50	6,39	6,33	6,26	6,16
TB	6,85	6,69	6,51	6,31	6,24	6,15

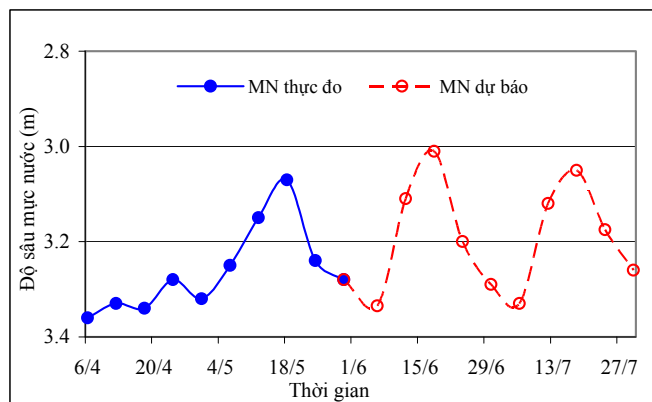
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.13. Tỉnh Kiên Giang:

II.13.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q40101Z) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế dâng không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,09m. Mực nước nông nhất là 3,07m và mực nước sâu nhất là 3,51m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế biến đổi không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q40101Z như sau (xem hình 71 và bảng 43).



Hình 71. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₃

Bảng 43. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

Ngày	TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q40101Z)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	3,25	3,34	3,33
12	3,15	3,11	3,12
18	3,07	3,01	3,05
24	3,24	3,20	3,18
30	3,28	3,29	3,26
TB	3,20	3,19	3,19

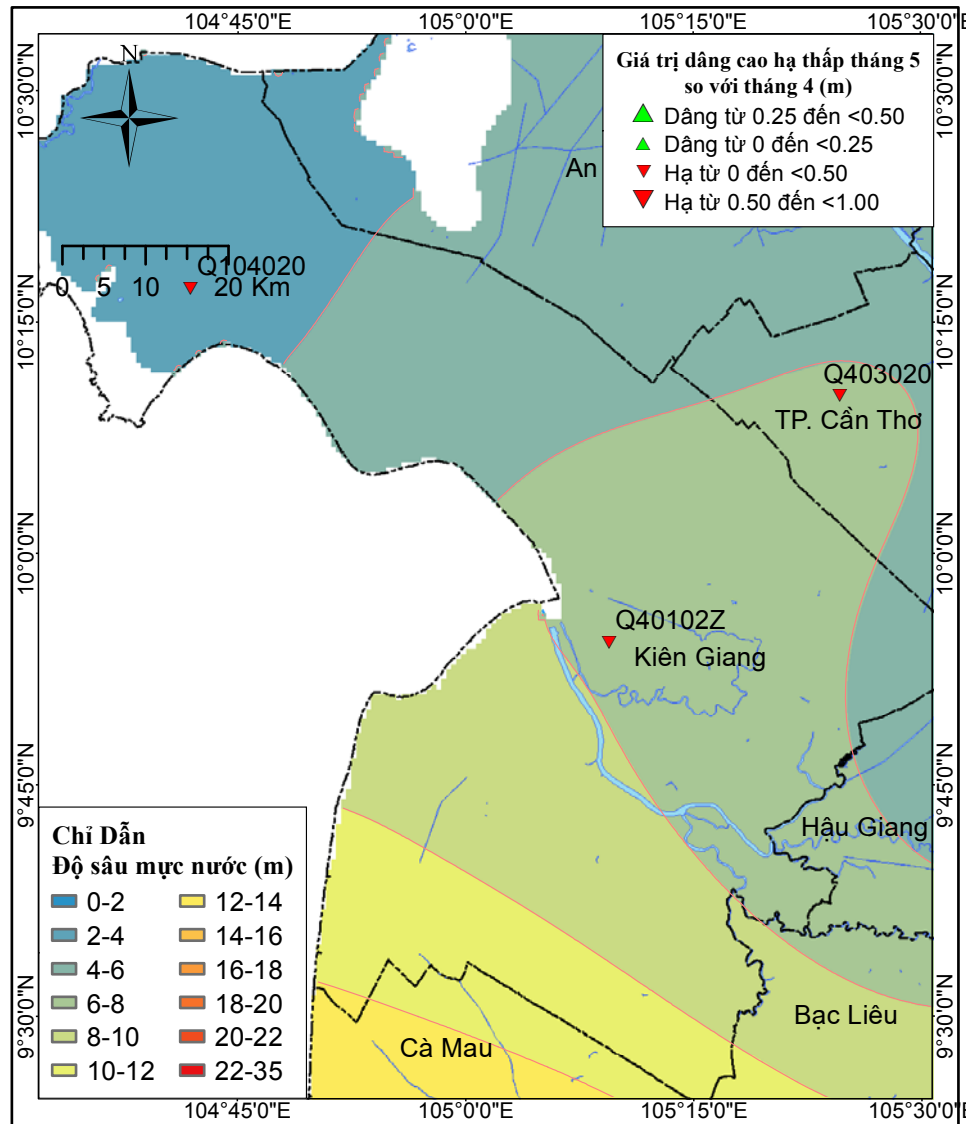
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.13.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

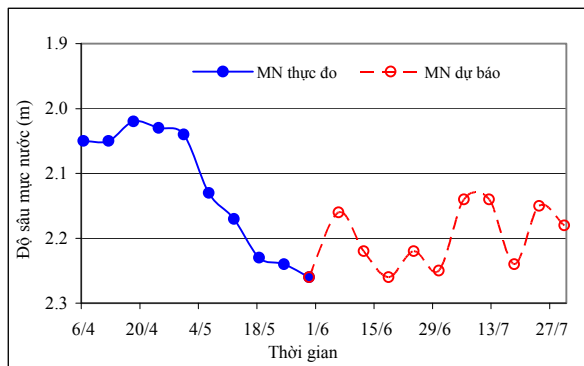
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,09m. Giá trị hạ thấp nhất là 0,16m tại TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q40102Z).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là 3,12m tại xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên (Q104020), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,67m tại TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q40102Z).

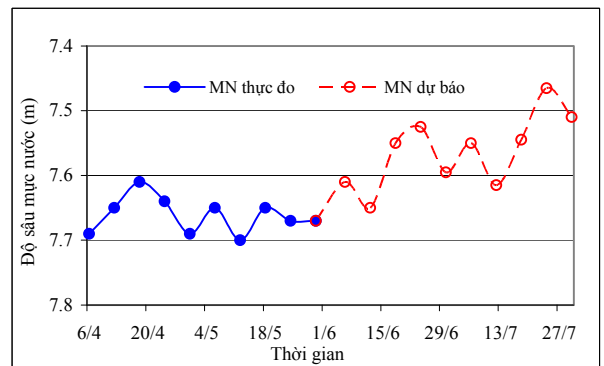
Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có hai xu thế dâng cao và hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 73 và bảng 44).



Hình 72. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 5 năm 2014 tầng qp₂₋₃



(a) xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên (Q104020)



(b) TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q40102Z)

Hình 73. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₂₋₃

Bảng 44. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

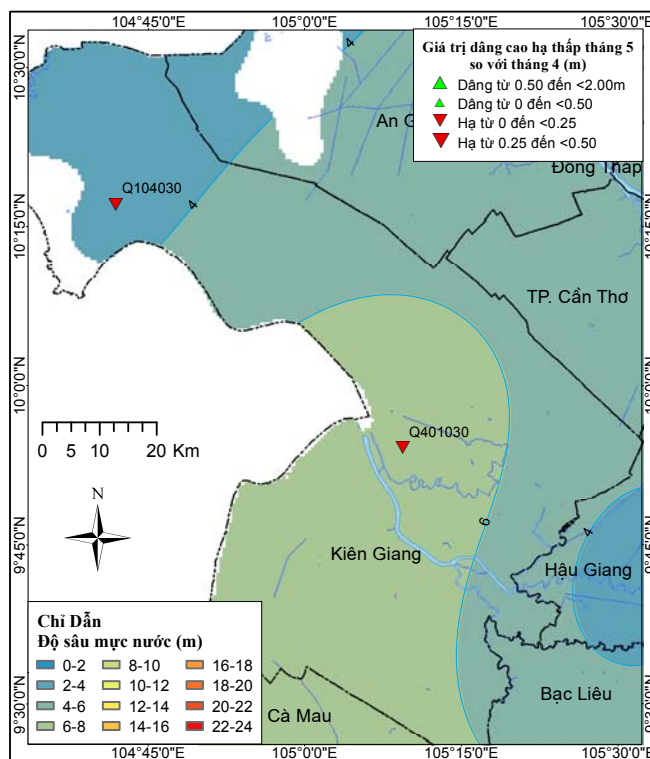
Ngày	xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên (Q104020)			TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q40102Z)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	2,13	2,16	2,14	7,65	7,61	7,55
12	2,17	2,22	2,14	7,70	7,65	7,62
18	2,23	2,26	2,24	7,65	7,55	7,55
24	2,24	2,22	2,15	7,67	7,53	7,47
30	2,26	2,25	2,18	7,67	7,60	7,51
TB	2,21	2,22	2,17	7,67	7,59	7,54

Cảnh báo: không có cảnh báo.

II.13.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

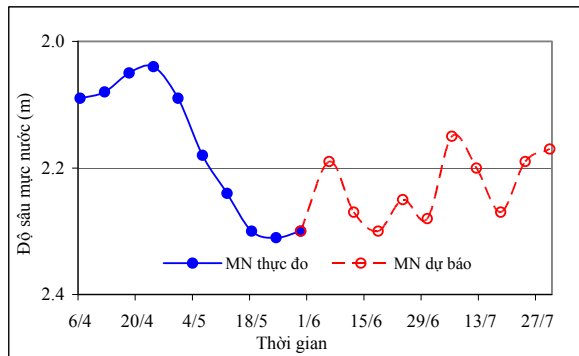
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,11m. Giá trị hạ thấp nhất là 0,18m tại xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên (Q104030).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là 3,21m tại xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên (Q104030), mực nước trung bình tháng sâu nhất là 7,64m tại TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q401030).

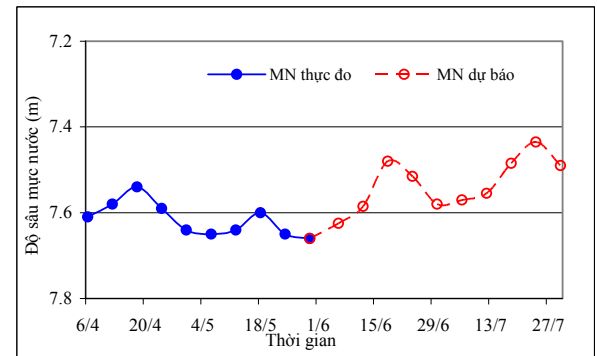


Hình 74. Sơ đồ diễn biến mực tháng 4 năm 2014 tầng qp₁

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước biến đổi không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 75 và bảng 45).



(a) xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên (Q104030)



(b) TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q401030)

Hình 75. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng q₁

Bảng 45. Độ sâu mực nước tầng q₁ (m)

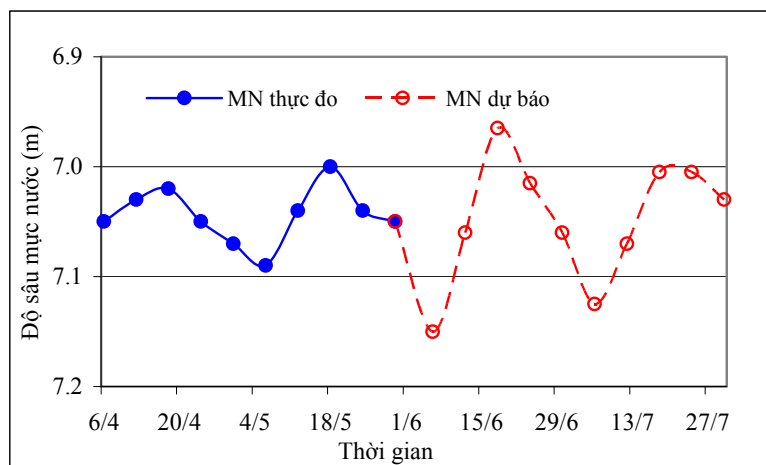
Ngày	xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên (Q104030)			TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q401030)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7		tháng 6	tháng 7
6	2,18	2,19	2,15	7,65	7,63	7,57
12	2,24	2,27	2,20	7,64	7,59	7,56
18	2,30	2,30	2,27	7,6	7,48	7,49
24	2,31	2,25	2,19	7,65	7,52	7,44
30	2,30	2,28	2,17	7,66	7,58	7,49
TB	2,27	2,26	2,20	7,64	7,56	7,51

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.13.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q40104T) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế dâng không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,01m. Mực nước nông nhất là 7,00m và mực nước sâu nhất là 7,09m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước không có biến động nhiều. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q40104T như sau (xem hình 76 và bảng 46).



Hình 76. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^2

Bảng 46. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	TT.Minh Lương, huyện Châu Thành (Q40104T)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	7,09	7,15	7,13
12	7,04	7,06	7,07
18	7,00	6,97	7,01
24	7,04	7,02	7,01
30	7,05	7,06	7,03
TB	7,04	7,05	7,05

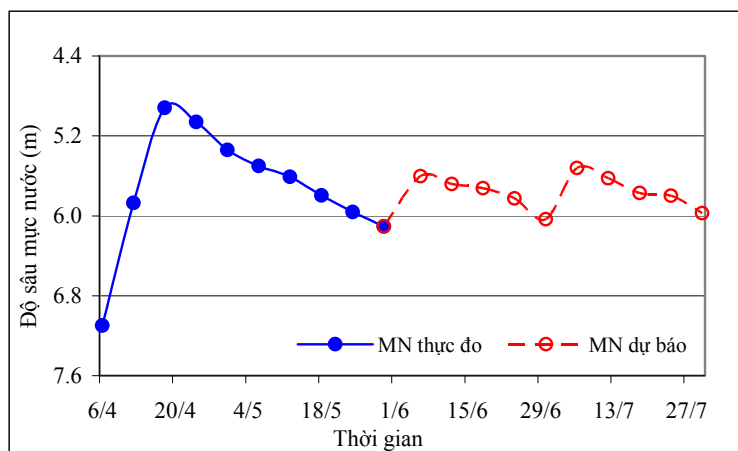
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.14. Tỉnh Hậu Giang:

II.14.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại TT.Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q211020) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,09m. Mực nước nông nhất là 5,28m và mực nước sâu nhất là 6,14m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu hướng thay đổi không đáng kể so với tháng 5. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q211020 như sau (xem hình 77 và bảng 47).



Hình 77. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₂₋₃

Bảng 47. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

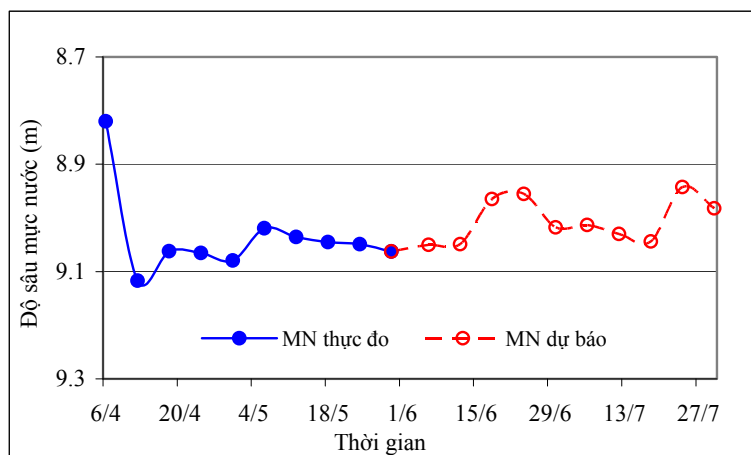
Ngày	TT.Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q211020)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	5,50	5,60	5,52
12	5,61	5,68	5,63
18	5,80	5,72	5,77
24	5,96	5,83	5,80
30	6,11	6,04	5,97
TB	5,80	5,77	5,74

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.14.2. Tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại TT.Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q21104T) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,06m. Mực nước nông nhất là 9,02m và mực nước sâu nhất là 9,06m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước biến đổi không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q21104T như sau (xem hình 78 và bảng 48).



Hình 78. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^2

Bảng 48. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

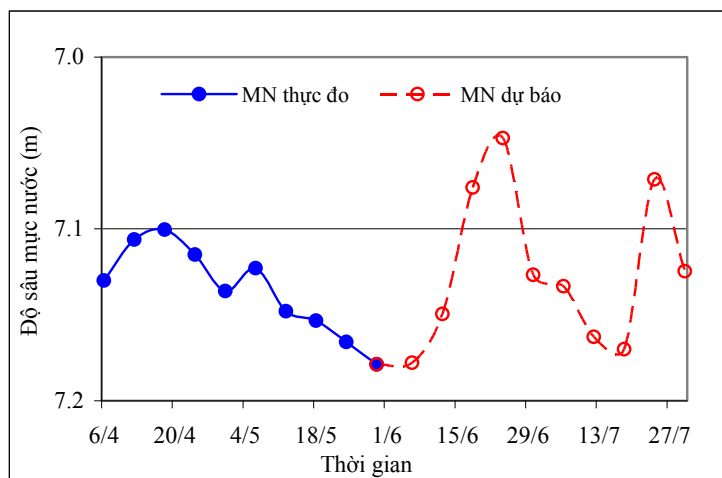
Ngày	TT, Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q21104T)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	9,02	9,05	9,01
12	9,04	9,05	9,03
18	9,05	8,97	9,04
24	9,05	8,96	8,94
30	9,06	9,02	8,98
TB	9,04	9,01	9,00

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.14.3. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại TT Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q21104ZM1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,03m. Mực nước nông nhất là 7,11m và mực nước sâu nhất là 7,18m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q21104ZM1 như sau (xem hình 79 và bảng 49).



Hình 79. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^1

Bảng 49. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	TT Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q21104ZM1)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	7,12	7,18	7,13
12	7,15	7,15	7,16
18	7,15	7,08	7,17
24	7,17	7,05	7,07
30	7,18	7,13	7,12
TB	7,15	7,12	7,13

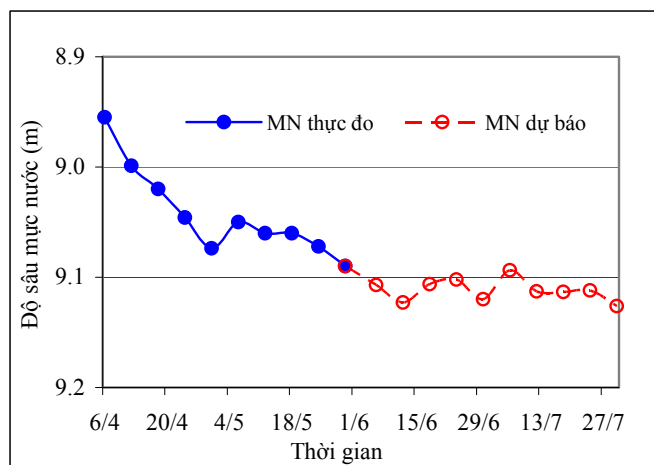
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.15. Tỉnh Sóc Trăng:

II.15.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại phường 6, TP.Sóc Trăng (Q409020M1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,06m. Mực nước nông nhất là 9,05m và mực nước sâu nhất là 9,09m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế hạ thấp, song không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q409020M1 như sau (xem hình 80 và bảng 50).



Hình 80. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₃

Bảng 50. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

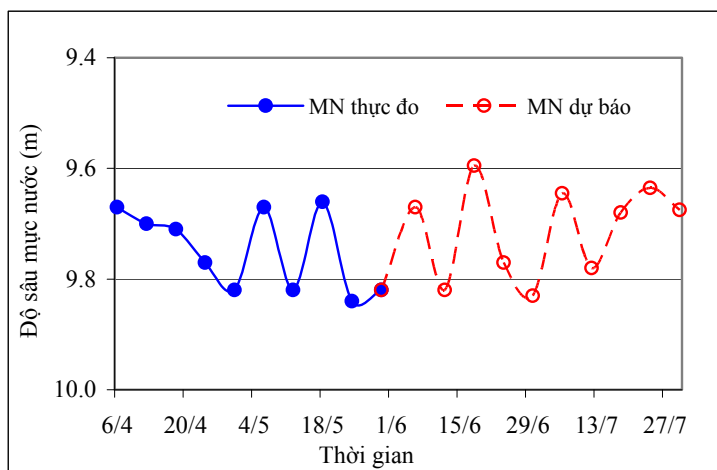
Ngày	Phường 6, TP Sóc Trăng (Q409020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	9,05	9,11	9,09
12	9,06	9,12	9,11
18	9,06	9,11	9,11
24	9,07	9,10	9,11
30	9,09	9,12	9,13
TB	9,07	9,11	9,11

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.15.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại phường 3, TP.Sóc Trăng (Q598020M1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,04m. Mực nước nông nhất là 9,76m và mực nước sâu nhất là 9,95m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế biến đổi không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q598020M1 như sau (xem hình 81 và bảng 51).



Hình 81. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp2-3

Bảng 51. Độ sâu mực nước tầng qp2-3 (m)

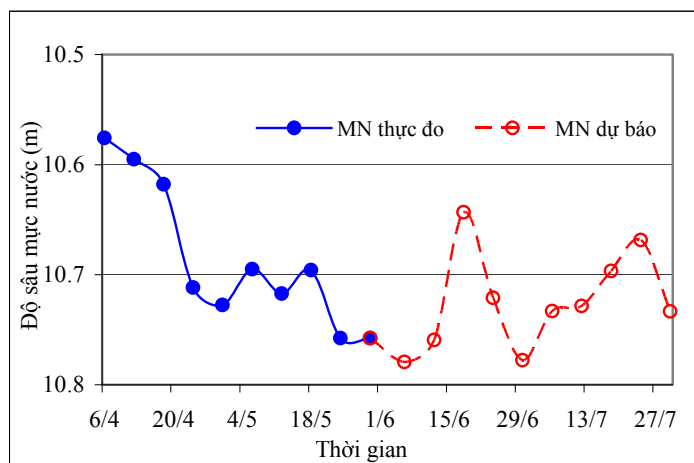
Ngày	Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q598020M1)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	9,67	9,67	9,65
12	9,82	9,82	9,78
18	9,66	9,60	9,68
24	9,84	9,77	9,64
30	9,82	9,83	9,68
TB	9,76	9,74	9,68

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.15.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp1)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại phường 6, TP.Sóc Trăng (Q40903AM1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,08m. Mực nước nông nhất là 10,64m và mực nước sâu nhất là 10,78m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế biến đổi không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q40903AM1 như sau (xem hình 82 và bảng 51).



Hình 82. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp_1

Bảng 52. Độ sâu mực nước tầng qp_1 (m)

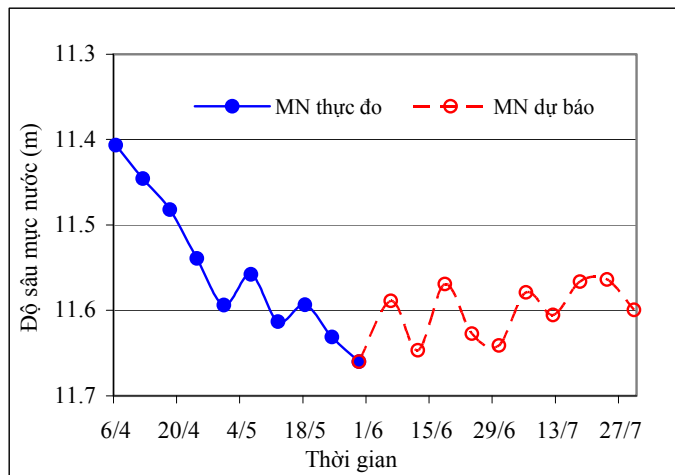
Ngày	Phường 6, TP.Sóc Trăng (Q40903AM1)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	10,70	10,78	10,73
12	10,72	10,76	10,73
18	10,70	10,64	10,70
24	10,76	10,72	10,67
30	10,76	10,78	10,73
TB	10,72	10,74	10,71

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.15.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại phường 6, TP.Sóc Trăng (Q409040M1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,13m. Mực nước nông nhất là 11,55m và mực nước sâu nhất là 11,66m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế biến đổi không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q409040M1 như sau (xem hình 83 và bảng 53).



Hình 83. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^2

Bảng 53. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

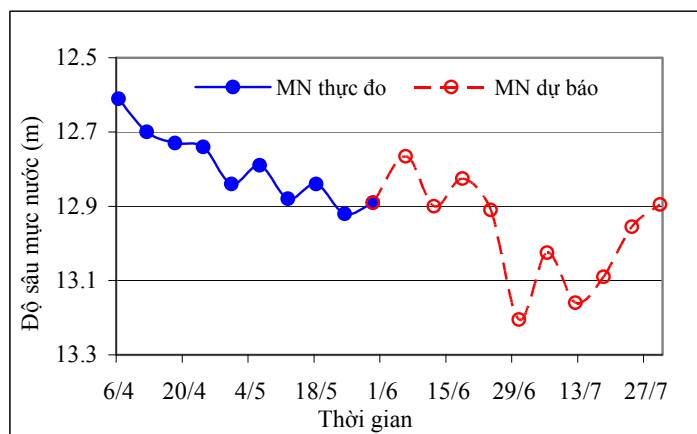
Ngày	Phường 6, TP Sóc Trăng (Q409040M1)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	11,56	11,59	11,58
12	11,61	11,65	11,61
18	11,59	11,57	11,57
24	11,63	11,63	11,56
30	11,66	11,64	11,60
TB	11,61	11,61	11,58

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.15.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại phường 3, TP.Sóc Trăng (Q59804Z) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,14m. Mực nước nông nhất là 12,86m và mực nước sâu nhất là 12,99m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế hạ, song không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q59804Z như sau (xem hình 84 và bảng 54).



Hình 84. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^1

Bảng 54. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	Phường 3, TP Sóc Trăng (Q59804Z)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	12,79	12,77	13,03
12	12,88	12,90	13,16
18	12,84	12,83	13,09
24	12,92	12,91	12,96
30	12,89	13,21	12,90
TB	12,86	12,92	13,03

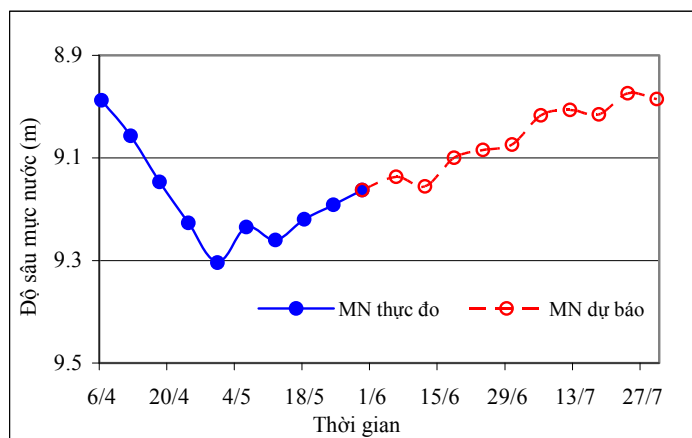
Cảnh báo: không có cảnh báo

II.16. Tỉnh Bạc Liêu:

II.16.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại phường 7, TP. Bạc Liêu (Q597020M1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,12m. Mực nước nông nhất là 9,16m và mực nước sâu nhất là 9,32m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q597020M1 như sau (xem hình 85 và bảng 55).



Hình 85. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₃

Bảng 55. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

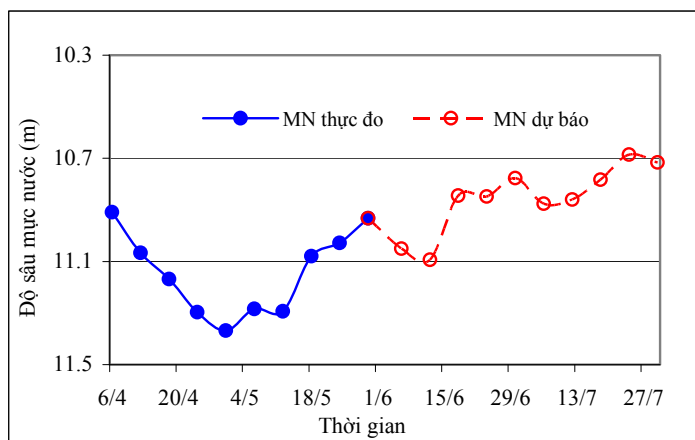
Ngày	Phường 7, TP Bạc Liêu (Q597020M1)		
	Mức nước thực đo tháng 5	Mức nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	9,24	9,14	9,02
12	9,26	9,16	4,00
18	9,22	9,10	5,00
24	9,19	9,08	8,97
30	9,16	9,07	8,99
TB	9,21	9,11	9,00

Cảnh báo: không có cảnh báo

II.16.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại phường 7, TP. Bạc Liêu (Q597030M1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế dâng không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,04m. Mực nước nông nhất là 10,93m và mực nước sâu nhất là 11,35m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q597030M1 như sau (xem hình 86 và bảng 56).



Hình 86. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp2-3

Bảng 56. Độ sâu mực nước tầng qp2-3 (m)

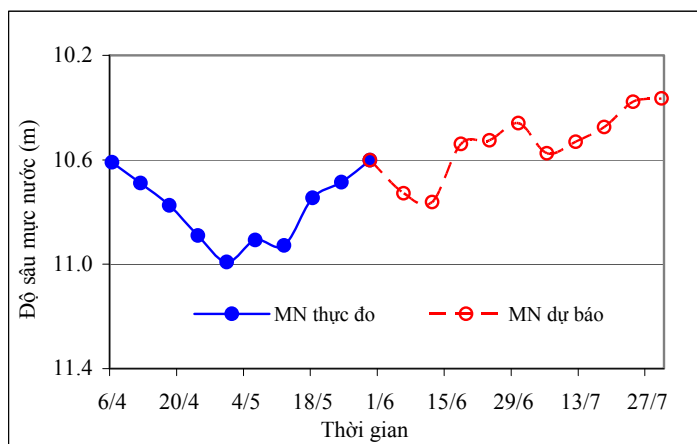
Ngày	Phường 7, TP Bạc Liêu (Q597030M1)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	11,28	11,05	10,88
12	11,29	11,09	10,86
18	11,08	10,84	10,78
24	11,03	10,85	10,69
30	10,93	10,78	10,72
TB	11,12	10,92	10,78

Cảnh báo: không có cảnh báo.

II.16.3. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại phường 7, TP. Bạc Liêu (Q59704TM1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế dâng không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,02m. Mực nước nông nhất là 10,59m và mực nước sâu nhất là 10,97m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế dâng. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q59704TM1 như sau (xem hình 87 và bảng 57).



Hình 87. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^1

Bảng 57. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	Phường 7, TP Bạc Liêu (Q59704TM1)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	10,61	10,73	10,57
12	10,69	10,76	10,53
18	10,78	10,54	10,47
24	10,89	10,53	10,38
30	10,99	10,46	10,37
TB	10,77	10,60	10,46

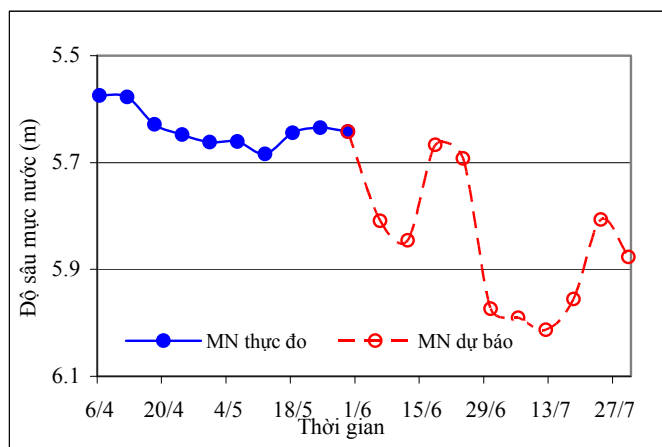
Cảnh báo: không có cảnh báo.

II.17. Tỉnh Cà Mau:

II.17.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại phường 9, TP.Cà Mau (Q17701ZM1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,04m. Mực nước nông nhất là 5,62m và mực nước sâu nhất là 5,69m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước có xu thế hạ thấp. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q17701ZM1 như sau (xem hình 88 và bảng 58).



Hình 88. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp₃

Bảng 58. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

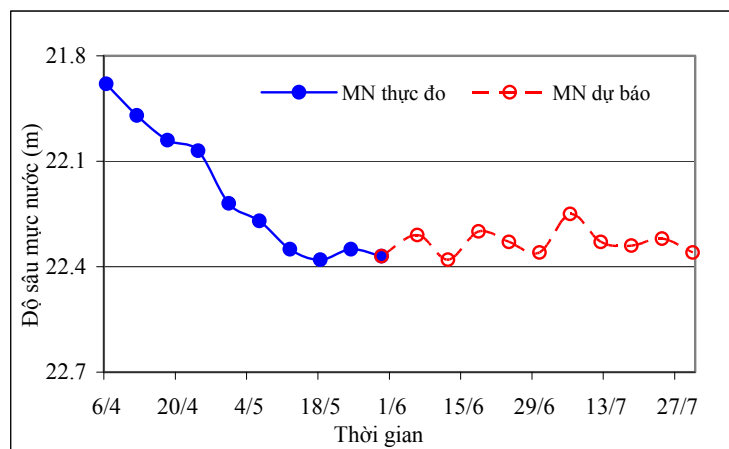
Ngày	phường 9, TP Cà Mau (Q17701ZM1)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	5,66	5,81	5,99
12	5,68	5,85	6,01
18	5,64	5,67	5,96
24	5,64	5,69	5,81
30	5,64	5,97	5,88
TB	5,65	5,80	5,93

Cảnh báo: không có cảnh báo.

II.17.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại Phường 5, TP. Cà Mau (Q188020) mực nước trung bình tháng 5 có xu hướng hạ so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,31m. Mực nước nông nhất là 22,27m và mực nước sâu nhất là 22,38m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước biến động không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q188020 như sau (xem hình 89 và bảng 59).



Hình 89. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng qp2-3

Bảng 59. Độ sâu mực nước tầng qp2-3 (m)

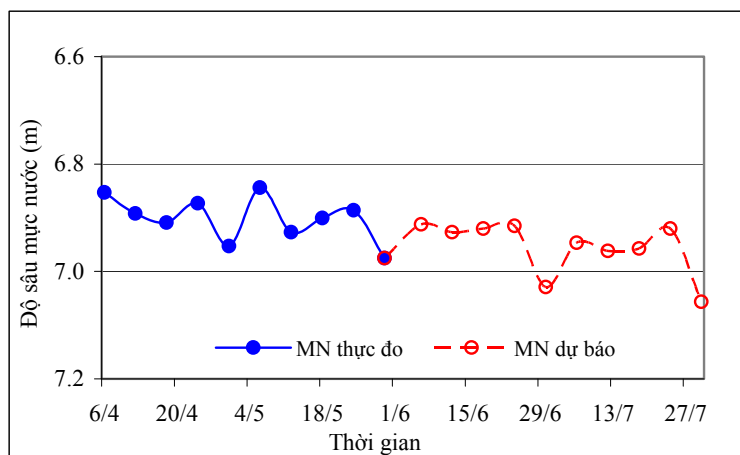
Ngày	Phường 5, TP.Cà Mau (Q188020)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	22,27	22,31	22,25
12	22,35	22,38	22,33
18	22,38	22,30	22,34
24	22,35	22,33	22,32
30	22,37	22,36	22,36
TB	22,34	22,34	22,32

Cảnh báo: không có cảnh báo.

II.17.3. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại TT. Năm Căn, huyện Năm Căn (Q19904ZM1) mực nước trung bình tháng 5 có xu thế hạ không đáng kể so với trung bình tháng 4 với giá trị là 0,01m. Mực nước nông nhất là 6,84m và mực nước sâu nhất là 6,98m.

Dự báo: Trong tháng 6, tháng 7 mực nước biến động không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q19904ZM1 như sau (xem hình 90 và bảng 60).



Hình 90. Dự báo độ sâu mực nước tháng 6, tháng 7 tầng n_2^1

Bảng 60. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	TT Năm Cấm, huyện Năm Căn (Q19904ZM1)		
	Mực nước thực đo tháng 5	Mực nước dự báo	
		tháng 6	tháng 7
6	6,84	6,91	6,95
12	6,93	6,93	6,96
18	6,90	6,92	6,96
24	6,89	6,92	6,92
30	6,98	7,03	7,06
TB	6,91	6,94	6,97

Cảnh báo: không có cảnh báo